

ĐC

339

NGUYỄN VĂN CỰ

MỘT VÒNG ĐỜI

TIỂU THUYẾT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC





NGUYỄN VĂN CỰ

Sinh năm: Canh Dần

Quê quán: Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam.

Nguyên Chủ tịch UBND, Bí thư Huyện ủy Bảo Yên.

Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lào Cai.

Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lào Cai.

Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật

các dân tộc thiểu số Việt Nam.

ĐÃ XUẤT BẢN:

- * **Khoảng trời riêng** *Tập truyện và ký*
- * **Anh nông dân và con rùa vàng** *Tập truyện dân gian*
- * **Đất thiêng** *Tiểu thuyết*
- * Nhiều truyện ngắn và nghiên cứu văn học đăng trên các báo, tạp chí của Trung ương và địa phương

Giá: 28.500đ

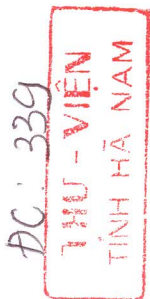
895.9223

M458 V

NGUYỄN VĂN CỰ

MỘT VÒNG ĐỜI

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ DÂN TỘC
HÀ NỘI - 2005

LỜI GIỚI THIỆU

Nguyễn Văn Cự, tuổi Canh Dân, quê gốc Hà Nam. 35 năm qua, ông sống và công tác tại Lào Cai. Đã từng là Chủ tịch UBND, Bí thư Huyện uỷ huyện Bảo Yên, nay ông là Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lào Cai. Năm 1996 ông mới bắt đầu cầm bút sáng tác văn học. Tuy vậy, từ đó đến nay, ông đã có nhiều tác phẩm được đăng tải trên các báo, tạp chí của trung ương và địa phương. Về tiểu thuyết, năm 2000 ông cho ra mắt công chúng tập **Đất thiêng**; năm 2005 ông giới thiệu với công chúng cuốn tiểu thuyết **Một vòng đời**.

Một vòng đời là cuốn tiểu thuyết có tính lịch sử, ông viết về vùng đất phía Đông tỉnh Lào Cai. Bằng sự hiểu biết khá sâu sắc về phong tục, tập quán của đồng bào Dao và với lối kể chuyện dung dị, thông qua tuyến nhân vật của mình, ông đã dựng lại được lịch sử của một vùng và nêu lên những vấn đề bức xúc của cuộc sống hiện nay. Nhân vật chính của cuốn tiểu thuyết là một người Hà Nội, bị bắt cóc và bán lên làm con nuôi người Dao từ năm 1942. Ông trở thành người Dao và âm thầm phục vụ cách mạng trong suốt thời kỳ kháng chiến. Nhưng trở trêu thay, mọi người luôn nghi ông là chỉ điểm cho giặc. Sau hoà bình lập lại ông cũng

không được minh oan vì những người được ông phục vụ đều đã hy sinh. Nửa thế kỷ sau, tình cờ trong cuộc kỷ niệm 50 năm giải phóng vùng Đông Bắc, ông gặp lại người Đại đội trưởng đánh trận Phố Ràng mà ông đã dẫn đường ... Và, mọi việc làm của ông mới được sáng tỏ. Trong tiểu thuyết, ông còn kể nhiều chuyện rất cảm động, như việc ông đi tìm mộ con trai là liệt sỹ hy sinh ở Tây Nguyên; về chuyện một người phụ nữ dân tộc thiểu số ở Lào Cai đã hy sinh tình yêu trong trắng của mình, lấy tên thổ ty để cứu anh trai của mình là cán bộ cách mạng bị bắt; chuyện tìm lại được quê nhà; chuyện các cựu chiến binh đánh trận Phố Ràng sau 50 năm tìm tên cho đồng đội của mình ... Đó là những câu chuyện có tính hiện thực và đầy lòng nhân ái.

Bao trùm cả cuốn tiểu thuyết đó là niềm tin vào tương lai tốt đẹp của cuộc sống và lòng nhân hậu của con người. Đó chính là thứ còn mãi với thời gian. Con người ta dù còn nhiều khiếm khuyết, nhưng có đức tính này thì nhất định sẽ được cuộc đời đền đáp.

Nguyễn Văn Cự tuy mới cầm bút, nhưng ông đam mê văn học, yêu tha thiết cuộc sống này. Và với nhãn quan của một người hoạt động chính trị, mà ông viết tiểu thuyết. Bởi vậy nghệ thuật văn chương chắc chắn đôi chỗ còn chưa mượt. Điều đó không sao tránh khỏi. Cái đáng quý, đáng trân trọng nhất đó là ý nghĩa của tác phẩm với mỗi độc giả.

HỘI VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT TỈNH LÀO CAI

Phần một

NHỮNG NGÀY LƯU LẠC

Năm 1930 - tôi được sinh ra. Mẹ tôi làm nghề buôn bán gần chợ Đồng Xuân. Bố tôi làm thầy phán tận Nam Định. Thầy phán là gì tôi cũng không biết. Chỉ thấy mỗi khi bố tôi về thăm nhà, dân hàng phố vẫn chào là thầy Phán. Nhà tôi có bốn anh chị em, tôi là bé nhất. Tôi kém chị tôi sáu tuổi, nên được mọi người chiều chuộng lắm! Nhà tôi vào loại giàu có, lại làm nghề buôn bán nên có nuôi một con sen. Người lớn không gọi tên chị ta mà gọi là Con Sen. Việc của Con Sen là giúp mẹ tôi bày hàng buổi sáng, dọn hàng buổi tối, đi chợ mua thức ăn, nấu cơm và chăm sóc cho tôi. Năm bốn tuổi tôi vẫn ngủ với mẹ. Tôi có thói quen một tay sờ vú, còn mồm phải ngậm vào đầu vú kia thì mới ngủ được. Khi ngủ mê, nghiêng rặng, tôi nghiêng luôn cả đầu vú mẹ. Những lúc ấy mẹ tôi lại phát thật mạnh vào mông tôi mà mắng. Tôi khóc toáng lên. Mẹ tôi càng đẩy ra, thì tôi càng khóc. Tôi cứ lao đầu vào ngực mẹ mà húc. Tôi lăn lộn, gào lên như người giãm phải than lò. Thấy tôi gào ghê quá, Con Sen bảo mẹ tôi đưa tôi cho chị ta bế. Lúc đầu tôi đập lung tung, đòi tụt xuống về giường với mẹ, nhưng Con Sen cứ ôm chặt lấy tôi vỗ vỗ, rồi nhẹ nhàng nói:

“Đây! Ti của cậu đây! Ngoan nào, để bà ngủ, bà khoẻ, còn bán hàng, có nhiều tiền cho cậu ăn sáng nào!” Con Sen vừa nói, vừa ấn tay tôi vào một bên ti, còn bên kia đặt vào mồm cho tôi ngậm. Đường như cái bản năng lẩn lớt đi, tôi không còn biết lạ lẫm là gì, một tay vân vê đầu vú, còn mồm thì hút chặt vào bầu sữa. Một cảm giác man mát, ngọt ngào lan truyền trong cổ họng, tôi không khóc nữa, nhưng thỉnh thoảng lại nấc lên, rồi lịm đi trong sự êm dịu, ngọt ngào. Từ đấy tôi chỉ ngủ với Con Sen, không thích ngủ với mẹ nữa. Khi đến tuổi đi học, thì Con Sen đưa tôi đến trường.

Tôi học ở một trường tư thục, gần chợ Hàng Da. Học cả chữ Pháp và chữ Quốc ngữ. Học đến lớp bốn như bây giờ, tôi đã có thể nói chuyện được với người Pháp. Những lúc tôi ở nhà, hề có người Pháp vào cửa hiệu thì mẹ tôi lại gọi tôi ra để làm thông ngôn.

Họ nhà tôi, gốc gác xa xưa đã là người Hà Nội. Trong từ đường của dòng họ, tôi thấy có rất nhiều ảnh truyền thần - có ông râu tóc bạc phơ, tay cầm quạt giấy, ngồi bệ vệ trong chiếc ghế có tay ngai; có ông mặt tròn, tai to, mắt sáng, đội mũ cánh chuồn, phía dưới có hộp sơn son thiếp vàng đựng sắc phong của nhà vua. Tôi không bao giờ tự tiện vào từ đường, vì vào trong ấy thấy lạnh lạnh. Tôi nghĩ là hơi của ma! Mỗi khi trong họ có giỗ, phải vào từ đường, tôi cứ đứng nép vào người lớn.

Đến đời ông bà tôi, thì ông bà chỉ sinh được có hai anh em. Bác tôi được ăn học tử tế, đỗ tới cử nhân, nhưng ông

không đi làm quan cho triều đình, hay làm công chức cho Pháp, mà ở nhà dạy học. Bác tôi là một người thông tuệ - anh em chúng tôi hỏi điều gì, bác tôi cũng trả lời được. Tưởng như bác tôi là một cái nhà kho lớn, chứa toàn là chữ! Bác tôi làm giáo học, nhưng ở bậc trung học, nên tôi không được bác dạy.

Là anh em cùng một dòng máu, nhưng bác tôi và bố tôi tính tình trái ngược hẳn nhau. Bố tôi lúc nào ăn mặc cũng thấy cứng đờ, quần áo phẳng phiu là nếp; mặt trông lạnh lạnh, cứng cứng, khô khô. Trẻ con chúng tôi chẳng đứa nào muốn gần. Mẹ tôi biết thế, nên giải thích cho chúng tôi: “Thầy phán thì phải thế!”. Còn bác tôi lại khác - có lẽ bác tôi làm giáo học nên bọn trẻ con chúng tôi rất dễ gần. Bác thường chỉ bảo cho chúng tôi học, có lúc lại dẫn chúng tôi đi chơi ở vườn Bách Thảo. Những người trong phố không có điều kiện đến trường, thì được bác tôi dạy cho biết chữ Quốc ngữ. Các nhà giáo thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ, bác tôi cũng tham gia. Tôi học bài ở trên gác, còn chị tôi vừa giúp mẹ bán hàng vừa đọc: *O tròn như quả trứng gà / Ô thì đội mũ ơ thì dơm râu...* Cách học này, khác hẳn với cách học của chúng tôi ở trường, nhưng với những người lớn vừa làm vừa học như chị tôi thì lại rất hay. Một thời gian sau, chị tôi cũng biết ghép vần, biết viết và biết đọc. Bác tôi khen lắm, còn cho cả sách bút.

Cái thú nhất của chúng tôi là đi tàu điện. Mỗi khi học được điểm cao, chủ nhật mẹ tôi lại cho tiền đi chơi. Được tiền, chúng tôi rủ nhau ra thẳng hồ Hoàn Kiếm, nhảy lên tàu điện đi ra các cửa ô. Trước khi lên tàu điện, bao giờ

chúng tôi cũng phải ngắm cảnh hồ đã. Hồ lúc nào nước cũng trong xanh, nên ngày xưa gọi là hồ Lục Thủy. Sau này tên hồ gắn với truyền thuyết: Vua Lê Lợi được rùa thần cho mượn thanh kiếm để đánh giặc; khi dẹp xong quân giặc, vua mang kiếm đến hồ trả lại cho rùa thần, nên gọi là hồ Hoàn Kiếm. Xung quanh hồ có rất nhiều cây, nhưng chúng tôi thích nhất là cây liễu. Lá liễu màu xanh nhạt, nhỏ lăn tăn, cành chỉ to bằng cái dây phơi, dài đến hai ba mét, uốn cong thành từng túm mềm mại, rủ xuống như mái tóc dài của một thiếu nữ. Mỗi khi có làn gió thổi qua, cành liễu mơn man vuốt nhẹ lên mặt nước hồ. Hồ trong xanh, sâu thẳm. Những lúc trời lặng gió, mặt hồ như một cái gương khổng lồ ôm trọn cả bầu trời!

Chúng tôi lên tàu đi về phía Thụy Khuê, từ đây có thể ra đường Cổ Ngư ngắm cảnh Tây Hồ. Tây Hồ là một vùng nước rộng mênh mông, những đũa trẻ như chúng tôi chưa đi đâu xa, chưa đến biển bao giờ thì cho rằng trên thế gian này, chắc chỉ nơi đây là có mặt nước rộng đến thế! Mùa thu, thỉnh thoảng lại có những làn gió nhẹ vờn lên mặt hồ, tạo thành những con sóng nhỏ xô nhau chạy vào bờ. Sấm cồm, vọt trời, le le... nhiều vô kể, bồng bênh trên mặt nước. Những đám sương mù mỏng tang như lụa, rập rờn trên sóng. Xa tít chân trời là một màu mờ đục, làm cho mặt hồ rộng đến vô bờ. Tiếng chuông Trấn Vũ lan toả trên mặt nước, vọng vào thỉnh không ngân nga tưởng đến vô cùng.

Thường mỗi lần lên Tây Hồ chơi, bao giờ lúc về chúng tôi cũng đi theo dọc bờ đê Yên Phụ rồi về cầu Bồ Đề - ngày xưa mọi người ở đây vẫn quen gọi cầu Long Biên như

thế. Nhìn xa, cây cầu giống như một dãy núi lô xô, ngọn cao ngọn thấp. Đến gần, thì trông nó vô cùng đồ sộ. Có lẽ, đây đích thị phải là cây cầu lớn nhất thế giới! Cầu được làm toàn bằng thép, ở giữa là đường tầu, hai bên là đường bộ. Thỉnh thoảng lại có một đoàn tầu chạy qua, hét lên những tiếng chói tai, thổi phùng phục, nhả ra những làn khói bụi, tạo thành một con rồng ngoằn ngoèo trên không trung. Hai bên đường bộ, khách bộ hành đi lại tấp nập. Dưới gầm cầu là những người cát hàng chuyến, xe người kéo, dân khuân vác đi lại cần mẫn như đàn kiến.

Chúng tôi lên cầu, nhìn theo dòng sông ngược ánh mặt trời, nước lấp lánh, lao xao như một dòng sông bạc. Dưới sông, tầu bè đi lại như con thoi. Bác tôi bảo: “Từ Hà Nội, theo dòng sông Hồng có thể đi đến nhiều nơi: Đi xuôi theo dòng, sẽ ra đến đại dương, có thể đi đến năm châu bốn biển; đi ngược dòng, sẽ đến Lào Cai - nơi giáp nước Tàu, nơi có đồng bào dân tộc Mán, Mèo sinh sống, nơi có những ngọn núi cao đến chín tầng mây! ...”

Chuyện tôi thường ngậm ty Con Sen để ngủ, rồi mọi người cũng biết. Gọi chị người ở là Con Sen là gọi theo người lớn, còn tôi, tôi coi Con Sen như mẹ. Nhưng vì đã mười hai tuổi, nên cuối cùng tôi cũng biết thẹn và không ngủ với Con Sen nữa. Ngày đầu ngủ riêng, tôi trần trọc không sao ngủ được. Tôi luôn nghĩ đến dòng sữa ngọt, dù nó thật ít ỏi, nhưng êm dịu làm sao, nó đưa tôi chìm vào giấc ngủ. Mỗi nửa đêm, tôi mới ngủ được. Gần sáng, tôi nằm mơ thấy hoa đào nở, mùa xuân ấm áp về đến mọi nhà. Mẹ tôi cho tiền, để mấy anh em mua pháo. Các anh lớn, thì

mua mỗi người một bánh pháo trung, có xen lẫn pháo đùng. Còn tôi, tôi sợ tiếng nổ to, nên chỉ mua pháo tếp. Trẻ con chúng tôi, thường gỡ pháo ra khỏi bánh để đốt từng quả một. Từ 23 tháng Chạp, khi mọi nhà làm lễ cúng tiễn ông Táo lên trời, tiếng pháo đã nổ râm râm khắp phố... Bỗng có người vỗ nhẹ vào vai, tôi choàng tỉnh dậy, nhưng vẫn nghe thấy có tiếng nổ từ đâu đó vọng về. Ánh sáng tràn vào cửa sổ, tôi nhắm nghiền mắt lại, ú ớ:

- Pháo nổ ở đâu?

Chị Thư tôi nhỏ nhẹ nói:

- Đã tết đâu mà có pháo. Đấy là tiếng súng của quân Pháp ở bốt Hàng Đậu, bắn ra bờ sông Cái đấy. Muộn rồi, em phải dậy mà đi học chứ?

Tôi nũng nịu hỏi:

- Thế Con Sen đâu?

Chị tôi nhẹ nhàng đỡ tôi xuống đất và nói:

- Thái Bình nghe đâu có loạn lạc, Con Sen phải về nhà. Dù sao thì người ta cũng có gia đình. Loạn lạc thì cũng phải về mà tìm nhau chứ. Từ hôm nay, em phải tự lo mà đến trường thôi. Gớm! Lớn gần bằng chị rồi đây này, dậy rửa mặt đi! Tiễn đây, trên đường đến trường, thấy hàng quà nào thích thì ăn sáng luôn.

Tôi vâng lời và chuẩn bị đến trường. Hôm ấy trời nổi gió heo may se se lạnh. Ngoài đường người đi lại tấp nập. Xe người kéo chạy lộc cộc, đi lại hối hả. Trên xe, những thiếu phụ ăn mặc sang trọng, miệng nhai trầu bồm bồm, hoặc một vài công chức mặc com lê, đầu đội mũ cát trắng.

Thỉnh thoảng lại có một chiếc xe nhà binh chở đầy lính, từ phía nội thành chạy vọt về cầu Bồ Đề. Những đoàn người gồng gánh, lầm lũi đi về phía chợ. Trên vỉa hè, thỉnh thoảng lại có một gánh quà sáng, có dăm ba người vây quanh. Tôi đeo cặp sách, tay cầm tiền ăn quà sáng hoà vào dòng người đi trên hè phố. Tôi có ý định, đến phố Bát Đàn thì dừng lại, vào mua bánh giầy giò ăn sáng. Đi cùng chiều với tôi, có một người phụ nữ tay xách một chiếc làn mây, mặc áo dài nhưng màu tiết lợn, đầu vấn khăn nhưng đen. Bà ta đi nhẹ nhàng, thư thả như người đi chợ sắm hàng; thỉnh thoảng, lại vượt lên trước tôi, rồi nhìn trước, nhìn sau. Đi được qua hai khúc ngoặt của đường phố, bà ta đi sát vào tôi nói nhỏ:

- Cậu ám Thành phải không?

Nghe thấy có người gọi đúng tên mình, lại gọi thân mật như Con Sen vẫn gọi hàng ngày, tôi từ từ dừng lại. Bà ta vồn vã, nói tiếp:

- Thế Con Sen đâu? Ai lại để cậu ám đi một mình thế này? Trời ơi! Cặp sách nặng quá, cậu để tôi mang giúp cho!

Tôi không nhìn bà ta, vẫn chăm chăm nhìn về phía trước, nói:

- Dạ! Cháu mang được ạ!

Bà ta đặt tay lên vai tôi, nói thân tình:

- Nhưng đấy không phải việc của cậu, cậu đừng ngại. Cậu là con thầy phán Tân, cháu ông giáo Tấn chứ gì? Cậu không biết thôi, chứ tôi thỉnh thoảng vẫn đến cất hàng của

mẹ cậu đấy. Thế cậu ăn sáng chưa? Chắc là chưa nhỉ? Cậu thích ăn bánh giầy chả quế, hay bánh giầy giò lụa?

Thực tình thì tôi rất ít khi nói chuyện, làm quen với người lạ. Nhưng nghe bà ta nói ngon ngọt, lại biết hết mọi người nhà tôi, nên tôi lưỡng lự dừng lại thưa:

- Dạ!...

Thấy tôi đáp lời, bà ta tiến sát lại gần, vừa nói, vừa tháo lấy cặp sách, cầm tay tôi dắt đi như mẹ con. Vừa đi, vừa nói:

- Cậu ăm ngoan quá! Giỏi quá! Chỗ quen biết, thân tình với nhau là phải thế! Ừ, đến phố Bát Đàn kia ta cùng ăn bánh giầy giò.

Tôi ngoan ngoãn đi theo. Đến hàng quà sáng, bà ta mua hai cặp bánh giầy, ở giữa có kẹp giò lụa. Một cặp đưa cho tôi, cặp còn lại bà ta cùng ăn. Ăn xong, bà ta dắt tôi đi tiếp. Được một đoạn, thấy có hai người đàn ông lưng thưng đi ngược chiều, đến gần họ, bà ta bảo:

- Sắp đến trường rồi, cậu để tôi lau lại mặt cho! Ai lại để thế này, thầy phạt đấy!

Tôi ngoan ngoãn dừng lại. Bà ta mở làn lấy ra chiếc hộp, bên trong có một chiếc khăn bông trắng. Cùng lúc ấy, hai người đàn ông kia cũng vừa tới nơi. Người đàn bà vội lấy chiếc khăn áp vào mắt, vào mũi tôi. Một mùi gì rất lạ, chạy xộc vào tận trong phổi, tôi cố vùng ra, nhưng bà ta đã ghì chặt vào cổ. Tôi trợn mắt, sặc sụa. Hai người đàn ông, cũng ngò xuống đỡ tôi. Người tôi mê mẫn, mắt mờ ra. Tôi cố mở mắt, nhưng không nhìn thấy gì, mọi vật đều

nhoe đi như trong đám sương mù dày đặc. Tôi muốn gào to gọi mẹ, nhưng hàm răng cứng lại. Cơ buồn ngủ ập đến, không sao cưỡng được....

Tôi thấy lạnh lạnh, nghe lao xao như có tiếng người. Một cảm giác nửa tỉnh nửa mê, nhưng tôi nghĩ ngay đến chuyện tôi bị bắt cóc. Trời lờ mờ sáng, những âm thanh quanh tôi nghe rất lạ. Tôi không còn phân biệt được thời gian- không biết mình bị bắt đã bao lâu. Tôi thấy đầu nhức ong ong, hai lỗ tai như có đàn ve sầu kêu ở bên trong. Tôi bả hoải cự mình, người đói lả, bụng sôi òng ọc. Tôi mở mắt, chợt nhận ra mình được cuốn trong một tấm vải màu xanh thẫm, đặt trên một hòn đá to. Ngồi quanh tôi có ba bốn người, cả đàn ông và đàn bà. Họ mặc quần áo cùng một màu như tấm vải quấn vào người tôi. Người đàn bà ngồi sát tôi, áo của bà ta được thêu những hình thù kỳ lạ, quanh cổ được đeo vô số vòng bạc, hai tai cũng có hai vòng bạc to, đeo trĩ xuống. Kỳ lạ hơn là lông mày của bà ta nhẵn thín, tóc vấn cao, hai bên tóc mai cạo nhẵn, bóng nhẫy như mài. Mấy người đàn ông, đứng vây lấy tôi. Áo họ mặc ngắn ngắn, để lộ cả rốn; đũng quần như một tấm vải vắt chéo, rộng thùng thình đến tận đầu gối. Dưới rốn là một búi vải to bằng quả ổi. Hình như quần họ không luôn giải rút, túm vải ấy do cạp quần vấn lại .

Tôi được đặt nằm dưới một tán cây to. Cạnh chỗ nằm có một dòng nước chảy xiết, réo ào ào. Người đàn bà cúi xuống sát người tôi. Răng bà ta đen và thưa. Khi nói hở ra hai răng nhọn được bọc vàng sáng chói. Tôi chẳng hiểu sự thể là thế nào, sợ quá, nhắm nghiền mắt lại. Người đàn bà

luồn tay qua cổ, nâng đầu tôi dậy ôm chặt vào lòng. Mùi mồ hôi nồng nặc, xộc ra từ quần áo của người đàn bà, làm tôi sặc sụa. Tôi không còn biết đói là gì, run lập cập. Những người quanh tôi, nói với nhau như tiếng chim. Tôi cố lựa ra vài lời của họ, nhưng không tài nào nghe được. Bỗng tôi sực nhớ tới việc bị bắt cóc ở phố Bát Đàn - có lẽ tôi đã chết? Quanh tôi bây giờ toàn là người âm phủ chăng? Tôi là ma? Họ cũng là ma? Tôi mới xuống âm phủ, nên không biết tiếng của ma?... Nhưng tại sao, dưới âm phủ lại không có chó ngao? Mẹ tôi bảo, ở dưới âm phủ có hàng đàn chó ngao: Lông nó đen trùi trùi, mình dài và tròn như thùng gánh nước, chân cao lêu nghêu, mắt đỏ như hai hòn than, mõm to như bắp chân, răng nhọn và lồm chồm như những cái đinh đóng vào mảnh gỗ, lưỡi đỏ lồm lồm; người nào khi sống mà gian ác, mắc tội với người khác, khi xuống đến âm phủ phải leo qua một cái cầu vòng, ra đến giữa cầu thể nào cũng bị rơi xuống; một đàn chó ngao chực sẵn ở dưới, chỉ trong nháy mắt là chúng xé xác ăn thịt ngay. Tôi sợ quá, nhưng lại nghĩ: Khi còn sống, tôi không mắc tội với ai, nên không sợ; thỉnh thoảng tôi có cắn ti mẹ, cắn ti Con Sen là vì ngủ mê chứ không có ác ý như thế. Nghĩ mãi, nghĩ mãi, tôi chợt nhớ lại lời mẹ kể: Người ta khi đã thành ma thì cầu không biết đau, đi không để lại bóng. Vậy thì chưa chắc tôi đã thành ma - vì lúc này khi đập chân xuống hòn đá, tôi vẫn còn thấy đau. Thế có nghĩa là tôi chưa chết. Tôi hé mắt nhìn, thấy mấy người quanh tôi đi lại vẫn còn có bóng. Vậy họ cũng không phải là ma. Hay chỉ có người đàn bà gớm ghiếc đang ôm tôi là ma? Tôi há mồm, nhè vào bụng bà cắn. Bỗng bà kêu: “Ồi!” Rồi ngã

ngứa ra. Bà ta cũng biết đau? Vậy bà cũng không phải là ma. Biết họ và tôi vẫn còn là người cả, tôi hoàn hồn, nhưng nước mắt cứ trào ra giàn giụa. Tôi gào lên: "Mẹ ơi!... Cứu con!... Anh Hồng, anh Tú, chị Thư ơi!... Cứu em với!..." Tôi cố vùng ra khỏi tay người đàn bà. Chạy trốn? Ý nghĩ đó chợt loé lên. Một sức mạnh phi thường tiềm ẩn trong tôi trỗi dậy, tôi lao xuống lòng khe, vừa chạy, vừa kêu lên: "Mẹ!... Mẹ ơi!..." Tiếng kêu đập vào vách đá vang vọng núi rừng. Mọi người dồn chạy theo tôi. Họ vừa chạy, vừa chỉ trỏ, vừa nói với nhau líu ríu. Đến đây thì tôi hiểu - họ nói với nhau bằng một thứ tiếng khác với tiếng của tôi - có lẽ đây là vùng núi cao có người dân tộc? Những kiến thức sơ đẳng, mà bác tôi đã dạy qua các câu chuyện, bây giờ thực sự đã giúp tôi. Chạy được vài chục bước, tôi vấp phải rễ cây nhằng nhịt dưới chân. Và có lẽ đuối hơi quá, tôi ngã lăn ra bất tỉnh.

Không biết tôi đã ngất đi bao lâu, nhưng khi tỉnh dậy, thấy mình vẫn được đặt nằm trên hòn đá lúc trước. Cạnh tôi là một đồng lửa to. Người đàn bà quấn tôi vào mảnh vải, và vẫn ôm chặt vào lòng. Thấy tôi cựa quậy, bà ta vỗ nhẹ vào người và vuốt tóc cho tôi. Cử chỉ của bà âu yếm như mẹ tôi vẫn thể hiện với tôi. Tôi thấy yên tâm hơn - chắc chắn những người này không phải là người xấu. Nhưng có điều, tôi mừng tượng đến một kết cục bi thảm đến với cuộc đời tôi. Khi tôi hay đi chơi một mình, mẹ tôi thường dọa: "Vào nhà đi! Mẹ mìn bắt lên miền ngược, bán cho ông Mán⁽¹⁾ bây giờ". Tôi chẳng hiểu mẹ mìn, miền ngược, ông Mán là

⁽¹⁾ Người Mán: Người Dao

gì, nhưng nói bị bắt thì tôi sợ. Mẹ tôi còn nói: “Ở phố Hàng Bạc, Hàng Gai đã có khối trẻ con bị bắt; người ăn mày, ăn xin ở các nơi về trú ngụ dưới gầm cầu Bồ Đề, để con ở lại một mình trong lều đi ăn xin, tối về cũng bị bắt trộm mất con. Bọn bắt trộm trẻ con, thường mang lên miền ngược, bán cho những người dân tộc hiếm con. Người dân tộc có con ma ở trong nhà, thả ra để giữ lấy người con nuôi! Người con nuôi mê muội đi, không biết đường về nhà mình nữa!”.

Nghĩ đến lời của mẹ, tôi không sợ bị giết nữa, nhưng con ma của họ thì tôi sợ. Và cũng đến lúc này, tôi mới lý giải được: Tại sao tôi đã hơn mười tuổi rồi, mà ngày nào Con Sen cũng phải đưa tôi đến trường. Tôi được đi học từ bé, lại được gần gũi bác tôi - như gần một kho chữ, nên những điều bác tôi dạy cho thật là có ích. Nhưng một thằng bé như tôi, lại ở trong một cánh rừng đại ngàn, âm u không biết phương hướng là gì, thì những hiểu biết đó cũng chẳng khác gì một giọt mưa rơi xuống mặt hồ. Tôi đành nằm im, phó mặc cuộc đời nhỏ bé của mình cho số phận, rồi tiếp đi trong vòng tay của người đàn bà.

Lúc tỉnh dậy, thấy một người đàn ông nghiêng ống nứa cháy đen nhem, rót nước trong đó cho tôi uống. Nước có màu vàng như nước chè, mùi thơm thơm. Người đàn bà vừa thổi, vừa đưa cho tôi. Lúc này tôi mới nhìn kỹ, thì ra, bà ta cũng hiền lành. Bà nhìn tôi âu yếm, gật gật. Một người đàn ông khác, lấy dao chẻ một ống nứa nhỏ như cổ tay trẻ con cũng bị đốt cháy đen nhem, một đầu còn đầu mặt, còn đầu kia được nút bằng lá chuối. Ông ta dùng mũi dao, tách ống nứa ra thành từng thanh nhỏ như ngón tay,

sau đó uốn cong từng thanh, khẽ lột về phía đầu mặt. Cuối cùng còn trơ lại một cái lõi, trắng như được bọc bằng giấy. Một mùi gì, như mùi xôi nếp toả ra ngào ngạt. Cái đó trong bụng tôi bất ngờ quẫy mạnh, nó chuyển òng ọc như có người lấy tay quấn vào ruột mà lôi. Nước bọt tứa ra đầy miệng, mắt tôi nhìn như dính vào cái thổi trắng trắng ấy. Từ bé, đây là lần đầu tiên tôi bị đó. Người đàn bà kéo tôi vào lòng. Tôi nửa ngồi, nửa nằm, đầu tựa vào lòng bà. Bà ta cầu từng miếng nhỏ của cái thổi trắng trắng ấy cho tôi ăn. Trời ơi! Đúng là xôi nếp. Nhưng bao nhiêu loại xôi nếp tôi đã ăn, nào là xôi xéo, xôi gấc, xôi lạc, xôi cốm... cũng không có thứ xôi nào ngon như loại xôi nướng này.

Một người đàn ông, lấy ở trong túi ra một cái gói bằng lá chuối. Ông mở ra, trong gói là cả một cái đùi gà, hình như đã nướng. Ông ta xé nhỏ, đưa cho người đàn bà. Bà ta nhón từng miếng, kẹp vào cơm nếp cho tôi ăn. Tôi đang ăn ngon, thì bà ta dừng lại, tay bà khẽ xua xua. Người đàn ông hiểu ý bà ta, gói thổi cơm nếp và thịt gà lại. Tôi ngược mắt nhìn bà ta, rồi lại nhìn vào gói cơm thịt, ý muốn đòi ăn nữa. Bà ta vừa nhìn tôi, vừa nói một câu gì đó, vừa lắc đầu. Tôi hiểu ý bà ta - không muốn cho tôi ăn nữa. Tôi không biết làm thế nào để giải thích là tôi còn đang muốn ăn nữa, chỉ còn biết chép miệng, liếm môi nhìn xoáy vào gói cơm.

Cùng lúc ấy, có một người đàn ông quăng độ bốn mươi tuổi, vai khoác một vật gì dài như cây gậy, đoạn dưới bằng gỗ, đoạn trên bằng ống thép đen sì, tròn tròn như ống sáo; thắt lưng đeo một con dao; tay dắt theo một con ngựa.

Trên lưng ngựa được phủ một một tấm đệm giống như mảnh bao tải. Người này đến gần tôi nói:

- Tao cũng bết tiếng Keng đấy! - Sau này tôi mới biết đấy là do nói ngọng tiếng Kinh. - Mà nhịn đói một ngày, một đêm rồi, ăn ít thôi, ăn no ngay không được đâu- chết đấy! Lúc nào thấy hết mỗi chân, mỗi tay thì mới được ăn nữa.

Tôi nhìn ông ta khẽ gật đầu. Lúc sau tôi mạnh dạn hỏi:

- Thế ở đây là ở đâu ạ?

- Tao nói mà cũng không biết đâu.

- Thế làm sao cháu lại ở đây ạ?

- Có người bảo là mẹ mày, bán mày, tao mua thôi! Người Mán tao vẫn hay lấy người Kinh về làm con mình mà!

Nói đến người Mán, tôi giật mình, sợ run lên. Đúng là mẹ tôi không đoạ. Đúng là tôi bị bắt bán cho ông Mán thật rồi. Cố kìm nén sự sợ hãi, tôi hỏi tiếp:

- Thế ông mua cháu ở đâu ạ?

- Tao mua ở ga Thái Văn mà. Tao mua mày bằng mười đồng bạc trắng đấy. Bây giờ mày là con của tao, con của bà này - ông ta nói và chỉ vào người đàn bà đang bế tôi.

- Thế ga Thái Văn ở đâu ạ? - Tôi mếu máo nói.

- Ở gần đây thôi. Tao vừa bế mày từ ga vào đây mà!

- Thế cái bà bảo là của mẹ cháu đâu rồi ạ?

- Nó đi rồi. Tàu chạy là nó lên tàu đi luôn rồi.

- Thế ở đây về Hà Nội có xa không ạ?

- Không biết mà! Cái người Mán ta chả biết Hà Nội đâu. Chỉ biết Lào Cai thôi. Thỉnh thoảng vẫn lên tàu đi chợ Cốc Lếu mà!

Đến đây thì tôi hiểu: Tôi đã bị mẹ mình bắt cóc, tôi đã bị đưa lên tận vùng Lào Cai - một vùng xa xôi lắm! Nếu như lời bác tôi kể, thì từ Hà Nội đến Lào Cai phải đi bằng thuyền mất mấy tháng trời; ở đó là đầu nguồn của con sông Cái, có đỉnh núi cao đến chín tầng mây... Để xem lại mình nghĩ như thế có đúng không, tôi hỏi:

- Lào Cai có con sông Cái, có đỉnh núi cao đến tận chín tầng mây phải không ạ?

- Ô! Tao không biết đâu, chỉ biết là trên ấy có dãy núi cao lắm, không lên được đâu. Lào Cai cũng có con sông, nước nó đục lắm, nó chảy qua đây, gần ga Thái Văn kia kìa. Nó chảy về đến đâu, tao cũng không biết mà.

Trời ơi! Đúng là Lào Cai rồi. Câu chuyện mà bác tôi kể về dòng sông Cái, tôi chú ý lắng nghe thật là không uống. Tôi muốn lao theo cánh tay chỉ của người đàn ông, ra tận bãi sông, ngắm nhìn dòng sông Cái. Theo dòng nước chảy xuôi chắc chắn sẽ về đến cầu Bồ Đề, lên bờ đê Yên Phụ, vào chợ Đông Xuân là về đến nhà rồi. Nhưng thật là vô ích, ra bờ sông làm gì? Một thằng bé mười hai tuổi như tôi làm sao đi được. Nhưng dù sao thì cái khát vọng ấy vẫn loé sáng trong tôi - nhất định tôi phải về nhà. Tôi lại hỏi:

- Ở sông, có con thuồng luồng ăn thịt người phải không ạ?

- Có! Có đấy! Nó to bằng bãi đá này này! Miệng nó đỏ như chậu than! Nó đớp được người đấy!

- Thế người Mán, có thả con ma ra bắt cháu không ạ?

- Phải cúng nó. Phải bảo cho nó biết mày là con tao. Không cúng, nó vật mày chết đấy! Cúng nó rồi, mày không nhớ nhà nữa đâu!

- Thế ở đây có cả hổ phải không ạ? Nó cũng biết bắt trộm lợn chứ?

- Có đấy! Nó còn bắt được cả người! To như con trâu, con ngựa nó cũng bắt được mà!

Trời ơi! Thế là mẹ tôi nói đúng - người Mán có con ma trong nhà... Và bác tôi nói cũng không sai - dưới sông có con thuồng luồng to như cái nong!... Hồ biết bắt trộm lợn, bắt được cả người, cả trâu và ngựa nữa. Tôi lại hỏi tiếp:

- Thế đường về nhà ông còn xa nữa không?

- Xa lắm! Tận Lũng Vài cơ! Cứ men theo khe suối này mà đi. Đi mãi, đi mãi khi nào không còn nước chảy ra nữa, thì vượt qua một đỉnh đồi, trên ấy có lều nương, ngủ qua đêm ở đấy. Ngày mai lại xuống dốc, khi nào thấy có khe nước, thì lại theo khe nước ấy mà xuống. Đi đến chiều tối, khe nước ấy thành một dòng suối to, đổ ra một con sông thì chặt nứa, đóng mảng để xuôi theo dòng sông. Qua sông thì trời cũng tối lắm rồi, ở đấy cũng có người Mán, phải ngủ qua đêm ở đấy. Sáng hôm sau lại theo một con suối to đi ngược dòng của nó, khi nào chỉ còn có khe nước nhỏ, chảy róc rách thì mới về đến nhà.

Vậy là phải ba ngày, hai đêm mới đến nhà ông ta. Tôi buồn tê tái. Tôi nhớ mẹ, nhớ anh Hồng, anh Tú, chị Thư ... Tôi khóc, nhưng không thành tiếng. Tôi nấc lên, bao nhiêu hơi trong phổi đẩy ra nghẹn ứ lên cổ. Người đàn bà lấy vạt áo, lau nước mắt cho tôi. Mắt bà ta cũng ướt đẫm. Thấy có người đồng cảm, tôi càng nghẹn ngào thêm. Lúc sau cơn uất nguôi đi, tôi hỏi người đàn ông:

- Cháu ở chợ Đồng Xuân, ông cho cháu về được không? Người bán cháu không phải là mẹ cháu đâu. Họ bắt trộm cháu đấy. Mẹ cháu sẽ trả lại tiền cho ông.

Người đàn ông nhìn tôi vừa nói, vừa lắc đầu:

- Tao không biết chợ Đồng Xuân đâu. Người Mán ta không biết nói dối mà. Mà nói dối tao là con ma bắt mày đấy! Tiền tao mua mày đã cúng nó rồi. Con ma đã biết tao mang tiền đi tìm con nuôi rồi. Tao đưa mày về nhà tao là phải cúng nó ngay. Mày đừng khóc nữa. Tao thương mày, bà này cũng thương mày lắm! Mày ăn cơm đi! Bây giờ ăn no cũng được. Ăn rồi còn đi.

Mặt trời đã nhô lên khỏi rặng núi phía xa, ánh sáng của nó đã làm cho cảnh âm u của núi rừng như bừng tỉnh. Tôi nghe thấy tiếng gió lao xao, nghe thấy tiếng chim ríu rít trên ngọn cây. Những con gù như con chuột, nhưng đuôi thì vòng lên như chiếc lông đuôi gà trống, chúng nối đuôi nhau chạy qua cây nửa đổ dưới lòng khe, rồi nhảy lộp bộp trên tấu lá chuối. Những hoa chuối rừng đỏ tươi, to bằng vốc tay chống ngược lên trời. Nải chuối loè xoè, quả ngắn ngắn như bàn tay chú lùn. Những cây vầu mọc chen nhau,

thẳng tấp như bó đũa. Cảnh vật lạ lẫm, tôi cảm thấy như bị lạc vào một thế giới khác.

Một người đàn ông dắt con ngựa lại gần tôi. Tôi cũng đã nhìn thấy ngựa kéo xe rồi, nên không sợ. Người đàn ông xưng là bố tôi, bế tôi đặt lên lưng ngựa. Tôi không sợ ngựa, nhưng cười ngựa thì tôi sợ, nên lùi lại. Ông nhìn tôi nói:

- Không sợ đâu mà! Nó không cắn mày đâu! Mày ngồi trên lưng nó, tao dắt, nó không chạy nhanh đâu mà.

Nói rồi ông xốc vào nách tôi, đẩy lên lưng ngựa. Trong lúc tôi đang loay hoay trên lưng ngựa, mấy người đàn ông đi cùng lấy dao chẻ nửa, tước hết vỏ đen của ống cơm nguội, rồi bỏ vào túi, khoác lên người. Đoàn người cứ theo khe nước đi. Đến những chỗ gặp thác nước hoặc ghềnh đá, lại theo lối mòn ngược lên đồi để tránh.

Tôi ngồi trên lưng ngựa, người xộc xệch theo bước thấp, bước cao của ngựa. Lúc ngựa lên dốc, tôi túm chặt vào bờm nó. Chiếc bao tải được buộc chặt vào lưng ngựa, nếu không tôi sẽ tuột đi mất. Nhưng khổ nhất là lúc xuống dốc, tôi nằm ép sát và hai chân ghì chặt vào hông ngựa. Lắm lúc tôi muốn quay lại để túm vào đuôi cho dễ. Những lúc như vậy, người đàn bà đi sát vào con ngựa, một tay giữ chặt lấy tôi, còn người đàn ông, lựa cho con ngựa đi vát theo triển dốc. Tuy có vòng vèo, nhưng tôi cảm thấy dễ chịu. Những người đàn ông khác thì cắt đường đi tắt. Họ leo dốc băng băng, xuống dốc như chạy. Thường là cả đoàn đi trong rừng già, bóng cây trùm mát rượi. Thỉnh thoảng phải đi tắt qua những vạt nương trồng trái, trời khô

rất, nhưng người đàn ông và người đàn bà vẫn cặm cụi dắt ngựa đưa tôi đi.

Quả thực, tôi luôn nghĩ sẽ không bao giờ gọi họ bằng bố mẹ, nhất định tôi sẽ về với bố mẹ tôi. Nhưng cho đến lúc này, nhìn lại quãng đường đoàn người đã vượt qua, tôi tự nhủ lòng mình, chắc không bao giờ còn được về với mẹ nữa. Một tình cảm mới nhen lên, tôi có cảm giác thân thiện với người đàn ông và người đàn bà đang cặm cụi bên tôi.

Quãng quá trưa, đoàn người dừng lại ăn cơm. Những người đi trước đã chặt nứa, làm một cái sạp độ bằng cái chiếu to. Xung quanh lá cây được phát sạch quang, bên cạnh có một đống lửa. Những khúc củi đã cháy hết, chỉ còn một đống than hồng. Bố mẹ nuôi tôi, đỡ tôi xuống đặt vào giữa sạp nứa. Thực tình thì ý định bỏ trốn, vẫn phảng phất trong tôi, nhưng thực tại thì không thể làm được việc ấy. Tôi bắt đầu có chút cảm tình với họ. Ngồi nghỉ được một lúc, vẫn chưa thấy mọi người ăn cơm, tôi cũng đã thấy đói. Tôi nhìn bố mẹ nuôi có ý chờ đợi. Hiểu ý tôi, ông nói:

- Chờ tý nữa, có người còn đi kiếm rau ăn!

Tôi ngây người không hiểu - ở giữa rừng đại ngàn này, ai trồng rau mà kiếm? Một lúc sau, người đàn ông có khẩu súng, xách về ba con gì trông như con chuột. Thấy lạ, tôi hỏi bố nuôi tôi:

- Con này là con gì ạ?

- Con sóc đấy! Làm rau ăn cơm mà!

Lúc này tôi mới hiểu, thịt thú rừng cũng gọi là rau. Tôi thấy ba người đàn ông đi cùng, mỗi người cầm một con

sóc, dập nước cho ướt hết lông, rồi vùi vào gio nóng. Được một lúc thì bói ra, họ nhanh tay vặt hết lông, mổ vớt ruột đi, rồi kẹp mỗi con vào một thanh nứa tươi. Đốt than hồng được cời rộng ra để nướng. Lúc sau, ba cặp thịt sóc vàng rộm, mỡ rơi xuống than cháy xèo xèo. Mùi thịt nướng làm tôi ngáy ngất - cái mùi thơm mà ở chốn kinh kỳ, tôi chưa được ngửi thấy bao giờ. Thịt chín, họ chặt thành miếng, chia cho từng người. Tôi được miếng đùi to nhất. Mẹ nuôi tôi gỡ nhỏ thịt cho tôi ăn.

Mọi người ăn xong, lại tranh thủ đi ngay. Bố mẹ nuôi tôi dắt ngựa, kèm tôi đi sau, ba người đàn ông kia đi trước. Thỉnh thoảng lại nghe thấy tiếng súng nổ. Mặt trời đã chạm xuống đỉnh ngọn núi phía xa. Trời bắt đầu se lạnh. Dưới khe núi, quanh các sườn đồi, khí lạnh tạo hơi nước thành những đám mây, có cảm giác như đi ở trên trời! Từng đàn chim riu rít trên ngọn cây. Ở dãy núi đá bên đường, lũ khỉ cũng chuyển cảnh về hang. Chúng vừa nhảy, vừa kêu choe choe. Thỉnh thoảng lại có tiếng chó rừng sủa lên ăng ăng.

Trời sẩm tối thì đoàn lên đến đỉnh đèo. Xa tít chân trời phía tây, chỉ còn là một mầu bàng bạc. Phía đông, cả bầu trời, mặt đất như nhuộm một mầu tím tím. Gió đông thổi về hun hút, thỉnh thoảng nó lại kéo theo một đám sương mù, làm cho không gian đặc lại. Phía dưới đỉnh đèo một đoạn, có một vạt nương to, lúa ngô đã thu hoạch xong. Giữa nương có một cái lều nhỏ, mọi người vào đấy nghỉ. Lều được làm nửa sà, nửa đất. Phần đất để đốt lửa, phần sà làm bằng nứa để ngủ. Mái lều được làm bằng những cây nứa to bổ đôi úp lại ngược chiều với nhau.

Xung quanh lều, cũng được che bằng phên nứa. Trên sạp, những người đi trước đã vợ rơm rạ về làm ổ ngủ.

Mọi người đỡ mệt, cùng ăn cơm. Bữa cơm đơn giản-cơm, vẫn là cơm nướng trong ống nứa; rau, là rau rừng cũng được luộc trong ống nứa; thịt, cũng vẫn là thịt nướng. Mẹ nuôi ngồi cạnh và luôn tay lấy thức ăn cho tôi. Con ngựa được buộc vào một góc cây cạnh lều. Thỉnh thoảng nó lại đập phành phạch, hý lên những tiếng rất lạ tai. Màn đêm buông xuống rất nhanh. Tôi thấy lạnh hơn mùa đông ở Hà Nội rất nhiều. Trước khi ngủ, một người đàn ông cầm khẩu súng ra ngoài bắn lên trời một phát. Bố nuôi nhìn tôi, bảo:

- Bắn súng để đuổi thú dữ đấy!

Tôi nằm giữa hai bố mẹ nuôi. Ông bà nằm sát vào tôi, và trên người được phủ một lớp rơm dày. Một người bỏ thêm củi vào đống lửa, và cũng chui vào đống rơm ngủ. Tôi không đi bộ, nhưng hai bên đùi và mông đau ê ẩm. Có lẽ là do nó đập vào lưng ngựa. Dù mệt, nhưng tôi không sao ngủ được. Tôi nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ anh chị, nhớ bạn bè... Tôi không dám khóc thành tiếng, nhưng nước mắt ứa ra ướt đầm. Lúc sau tôi nấc lên. Mẹ nuôi vỗ nhẹ, ghì chặt tôi vào lòng. Đầu tôi gục vào ngực bà. Một cảm giác êm êm, lan truyền sang tôi. Giá như bà cho tôi bú, có lẽ tôi cũng không từ chối.

Mọi người đi đường mệt, vừa nằm xuống đã ngáy đều đều. Con ngựa thôi không hý, không đập chân nữa. Chắc nó cũng đã ngủ. Những chú đế mèn cùng cất lên một bản

đồng ca đơn điệu. Trên cành cây, những con ve cuối mùa sót lại kêu ề ề. Tất cả để lại trong tôi nỗi tuyệt vọng đến khôn cùng. Thao thức mãi, cuối cùng con buồn ngủ cũng ập đến và tôi thiếp đi lúc nào không biết nữa.

Bỗng nghe một tiếng huých rất to như cây đổ. Con ngựa hí ré lên. Tiếp theo là những tiếng huých, huých như tiếng đá lăn xuống sườn đồi. Tiếng cây đổ rào rào, càng ngày càng xa dần xuống khe núi. Một người hốt hoảng:

- Hở về bắt ngựa!...

Một người cầm khẩu súng thò ra ngoài cửa sổ, hướng xuống khe núi bóp cò. Một quầng lửa bùng lên, tiếng nổ to như đập vỡ màn đêm yên tĩnh. Một người vội chất củi vào đống lửa. Mẹ nuôi tôi cầm thanh củi liên tục gõ vào sạp nứa. Tôi nghĩ, chắc là tạo ra tiếng động để đuổi con hổ đi xa. Lúc sau, bố nuôi tôi cầm bó đuốc cháy đùng đùng bước ra ngoài. Chỗ buộc ngựa, chỉ còn lại một đoạn thừng quấn vào gốc cây. Từ lúc ấy, mọi người không ai ngủ nữa. Đống lửa liên tục cháy. Tỉnh thoảng người có súng lại thò súng ra ngoài bắn một phát vào bóng đêm.

Phía đông đã phớt lên chân trời một màu bàng bạc. Tiếng gà rừng gáy te té. Nó không vọng to như tiếng gà nhà, nhưng dù sao đây cũng là tín hiệu báo cho ta biết một ngày mới sắp bắt đầu. Bố nuôi tôi giục mọi người lấy cơm lam ra ăn. Mẹ nuôi tôi lấy ống nứa bỏ lá cây vào, đun nước cho tôi uống.

Từ hôm qua, tôi để ý chỉ có tôi là uống nước đun sôi, còn mọi người đều uống nước lã chảy ra từ khe đá. Họ cấu lá cây, cuộn lại hứng nước uống.

Khi đã nhìn rõ mặt người, bố nuôi tôi và mấy người ra ngoài nói với nhau điều gì đó bằng tiếng Mán. Mỗi người chỉ một hướng, nhưng cuối cùng họ đều chỉ chệch về phía lòng khe. Mẹ nuôi tôi ở trong lều thu dọn đồ đạc, tắt bếp, chuẩn bị cho tôi lên đường. Bố nuôi tôi vào lều nhìn tôi ái ngại. Ông nói:

- Bây giờ phải đi đường vòng thôi. Dưới khe kia, con hổ để mối rồi. Đi qua đấy, nó tưởng lấy mối của nó, nó cắn chết đấy!

Ông nhìn tôi khấp lợt, rồi nắn vai, nắn tay, nắn chân tôi. Cuối cùng ông nhìn xuống chân tôi, khẽ lắc đầu thờ dãi, nói tiếp:

- Ô! Cái bàn chân mày, tao thương nó lắm đấy!

Tôi không hiểu ông định nói gì, nhưng thấy mọi người đi, tôi cũng đi theo. Mẹ nuôi tôi dắt tôi đi giữa, còn những người đi cùng thì mỗi người một việc. Tuy trời đã sáng rõ, nhưng bố nuôi tôi vẫn bó nửa lại để đốt một ngọn đuốc to. Ông bảo:

- Có lửa, thì hổ nó sợ mà!

Một người cầm súng, mắt ông ta luôn quan sát kỹ trước mặt và hai bên. Thỉnh thoảng đến những vòm cây rậm rạp, ông lại nhằm vào nổ súng. Còn hai người nữa thì cầm dao phát cây cỏ tạo lối đi. Đi vòng qua một quả núi, thì lại về lối mòn của con đường cũ. Bố nuôi tôi dụi đuốc cho tắt, rồi vắt đi. Người cầm súng, khoác súng vào vai. Hai người cầm dao thì tra dao vào vỏ. Tôi nghĩ, chắc đã qua chỗ nguy hiểm.

Đi xuôi hết một con dốc, lại bắt đầu có khe suối nhỏ. Từ đây, mọi người thường đi theo khe suối. Khi bước lên một hòn đá, chân tôi khụy xuống. Bàn chân tôi bỏng rát như dội nước nóng vào. Các đầu ngón chân nổi lên những bong nước như bị bỏng. Gót chân rớm máu. Ở nhà tôi chưa đi bộ đâu xa đến một cây số bao giờ. Nay vừa đi xa, vừa đi chân đất, tôi thấy chưa có gì cực khổ bằng. Đôi dép của tôi, hôm qua ngồi trên lưng ngựa đã rơi mất từ lúc nào rồi. Tôi ngồi sụp xuống, òa khóc. Mẹ nuôi tôi nâng chân tôi lên xem, bà nhìn tôi đầy thương cảm. Mắt bà cũng nhoè đi vì nước mắt. Tôi không thể đi thêm một bước nào nữa. “Đường còn xa lắm!” - Bố nuôi tôi bảo thế. Ông giơ tay chỉ cho tôi biết, phải theo khe nước này đi, đi đến cánh rừng xanh thẫm, xa tít phía chân trời kia thì mới tới một dòng sông. Qua sông ấy mới có nhà nghỉ.

Tôi khóc một lúc rồi thôi. Một thằng con trai mười hai tuổi, không còn là bé nữa, nhưng tôi cực quá. Mẹ tôi, các anh, các chị tôi, bây giờ chắc đang đổ đi khắp phố phường để tìm tôi. Bố tôi dù bận mấy, nhưng biết tin tôi, thế nào cũng phải về. Mẹ tôi, chị Thư tôi, chắc vì tôi mà không ăn, không ngủ; vì tôi, thế nào mẹ cũng gào khóc. Bác tôi, các anh, các chị trong họ, chắc phải tập trung lại để tìm tôi. Tôi thương mẹ, thương bố, thương các anh chị tôi quá. Đến lúc này, cái ý định chạy trốn trong tôi không còn nung nấu nữa. Tôi tự nhủ lòng: Những người này cũng tốt; lớn lên, nhất định tôi sẽ lao động để mua lấy một con ngựa; tôi sẽ kết bạn với một số người để rủ họ vượt qua quãng đường này về với mẹ.

Mọi người dừng lại, họ bàn nhau điều gì lâu lắm. Cuối cùng thấy mẹ nuôi tôi lấy khăn quấn vào hai bàn chân tôi. Tất cả các túi của mọi người, dồn lại cho mẹ nuôi tôi đeo. Máy người đàn ông thay nhau công tôi. Đoạn đường này toàn là xuống dốc, nên cũng đỡ nặng nhọc cho mọi người. Nhưng tôi là thằng bé được ăn uống đầy đủ, nên dù mới mười hai tuổi, tôi cũng đã to gần bằng những người công tôi rồi. Gần trưa, thì mọi người không thể công tôi được nữa. Cũng may là gần đây có một cái nhà sàn, mọi người lên nghỉ nhờ.

Những người trong ngôi nhà này, hoàn toàn khác với đoàn người của chúng tôi. Đàn ông mặc quần ta màu xanh, áo cũng màu xanh, cổ tròn, khuy áo bằng những nút vải, không có cúc trai như ở dưới xuôi. Đàn bà thì mặc váy, áo ngắn, tay chèn, cúc cài lệch ra cạnh sườn, đầu đội khăn vuông bằng len. Họ nói với nhau bằng thứ tiếng gì, khác hẳn tiếng của người Mán. Họ không biết tiếng Mán, nhưng bố nuôi tôi lại biết tiếng của họ. Thấy tôi nhìn họ có vẻ lạ lắm, bố nuôi tôi nói nhỏ: “Đây là người dân tộc Nhắng⁽¹⁾ đấy”.

Hình như gia đình người Nhắng mời đoàn chúng tôi ăn cơm. Bố nuôi tôi chấp hai bàn tay lại với nhau, nói câu gì đó, đầu gật gật, rồi vỗ vỗ vào cái bọc cơm mang theo trong túi. Tôi đoán chắc là bố nuôi tôi từ chối lời mời, vì đã có cơm mang theo. Ông chủ nhà xua tay, giằng lấy bọc cơm của bố nuôi tôi đặt ra bên cạnh, rồi rót nước mời mọi

⁽¹⁾ Dân tộc Nhắng: Dân tộc Giáy

người. Lúc đó tôi nằm và mẹ nuôi tôi bóp khế bấp chân cho tôi. Ông chủ nhà bảo mẹ nuôi tôi mở chiếc khăn quăn ở chân tôi ra để ông xem. Xem xong, ông cười rồi gật gật. Ông bỏ ra ngoài một lúc rồi quay lại. Tay ông cầm một cái bát, trong đó có một thứ lá cây và than đã giã nhỏ. Ông đắp vào các vết mọng nước ở chân tôi. Thật là kỳ diệu, thuốc đắp đến đâu là chân tôi thấy mát dịu, cái bóng rất tan biến đi ngay. Xong rồi, ông lấy một tấm vải dầy, được thêu các hoa văn rất đẹp phủ lên người tôi. Tôi nhắm mắt lại, thầm cảm ơn ông chủ nhà, cảm ơn mọi người đã chăm sóc cho tôi, và thiếp đi lúc nào không biết nữa.

Khi tỉnh dậy, thấy ông chủ nhà đang ngồi tiếp cơm bố nuôi tôi và những người cùng đi. Mâm cơm cũng đơn giản - có thịt gà nấu canh măng chua và rau rừng xào. Chủ nhà lựa những miếng thịt gà trong bát canh măng, gắp cho từng người. Nhưng tôi thấy không ai ăn miếng thịt ấy. Họ chỉ ăn măng, rau xào và uống một vài chén rượu. Mẹ nuôi tôi ngồi ăn cùng với bà chủ nhà, và trẻ con ở một mâm bên cạnh bếp. Thấy tôi dậy, bà chủ nhà lấy cơm cho tôi ăn. Tôi chan nước canh măng chua ăn. Nước canh có mùi vị quyến rũ không cưỡng được. Ngửi có mùi thơm dịu như men rượu, ăn thấy hơi chua chua, đậm đậm. Nó kích thích vị giác một cách lạ kì - đã húp vào mồm thì không muốn nuốt, muốn để mãi ở nơi đầu lưỡi. Ngon quá, tôi chan canh ăn hết ba bát cơm đây.

Ăn xong, bố nuôi tôi cảm ơn nhà chủ, đoàn tiếp tục lên đường. Ông chủ nhà lấy ra một cuộn vải dầy, giống tấm vải trải trên lưng ngựa, buộc túm hai đầu làm võng để

khênh tôi. Lúc này tôi mới nhìn kỹ, nhận ra đây không phải là vải - sau này tôi mới biết, đó là vỏ cây sui. Người miền núi thường vào rừng chọn những cây sui to, bóc vỏ khoanh theo thân cây, mang về đập dập đi, ngâm nước cho thối hết phần thịt, còn trơ lại phần xơ để làm chăn đắp.

Khe nước, chỗ đoàn chúng tôi xuất phát lúc sáng, giờ đã trở thành một con suối to. Theo lời bố nuôi tôi thì chắc là sắp ra đến sông. Chân tôi được đắp thuốc, có đỡ đau, nhưng không thể tự đi lại được. Thấy tôi nhăn nhó, mẹ nuôi tôi lấy mấy cái túi vải đeo trên người, quán lại, kê chân cho tôi. Họ khênh tôi đi, tôi thấy dễ chịu quá. Cái vồng tôi nằm khẽ nhún nhảy, dập dềnh theo nhịp bước. Tôi ngủ đi lúc nào cũng không biết nữa. Đến lúc tỉnh dậy, cũng là lúc đoàn người ra đến bờ sông. Trời đã se se lạnh, sương mù giăng giăng khắp mặt đất. Không có ánh nắng mặt trời, tôi không thể nhận ra giờ giấc nữa. Nhưng có lẽ trời đã chuyển về chiều tối, vì quanh tôi không còn nghe thấy tiếng chim hót nữa - chắc chúng đã bay về tổ. Vồng của tôi được gác vào hai chạc cây. Không thấy những người đàn ông đâu, chỉ thấy mẹ nuôi tôi ngồi tựa vào mỏm đá. Có lẽ mệt quá, bà cũng thiếp đi. Dưới sông, dòng nước cuộn cuộn chảy. Thỉnh thoảng gặp một ghềnh đá, nó tung bọt trắng xoá. Sự cô quạnh ập về, một nỗi buồn tê tái trĩu nặng trong tôi. Tôi nhớ mẹ, nhớ anh Hồng, anh Tú, chị Thư, nhớ lớp học, nhớ bạn bè, nhớ từng gốc cây, nhớ từng góc phố, nhớ những dòng người tấp nập ra vào chợ Đồng Xuân...

Một lúc sau, thấy bốn người đàn ông trở về, trên vai họ là bốn vác nứa to. Mỗi người một con dao, họ nhanh

nhện bện vào hai bên góc nửa tạo thành một lỗ thủng. Xong, họ kéo nửa xuống bãi cát, rồi dùng một đoạn gỗ nhỏ luồn qua từng cây, để tạo thành một cái bè to. Một người lấy cây nửa nhỏ, giã dùng dao vát hai bên của đầu cây nửa, tạo thành một cái khe nhỏ, sau đó lấy mảnh nửa ken vào, buộc lại, để làm mái chèo. Một người lấy một cây nửa dài để làm sào đẩy. Trên bè, ở giữa được chặt những đoạn nửa ngắn, ken vào nhau thành một cái sạp- chỗ ấy để đồ đạc, cho tôi nằm và mẹ nuôi tôi ngồi, để khỏi bị ướt. Xong việc, tất cả lên bè và đẩy ra giữa sông, cho xuôi theo dòng nước.

Dòng nước chảy xiết, thỉnh thoảng lại có một tảng đá nhô lên. Máy người đàn ông phải làm việc liên tục, đẩy bè, lựa cho nó khỏi đâm vào ghềnh đá. Có lúc bè nửa ngóc đầu lên, rồi lao vút xuống vực sâu. Tôi bám chặt vào bè nửa. Mẹ nuôi tôi một tay bám bè nửa, một tay giữ chặt lấy tôi. Cả bè nửa và đoàn người có lúc chìm trong sóng nước. Lúc sau bè nửa lại ngóc lên, lao vút ra khỏi vực. Người và mọi thứ đồ đạc ướt sũng. Gói cơm mang theo từ nhà ông chủ người Nhắng, lúc bè lao xuống vực đã bị rơi mất. Đói và rét, có người vực nước sông uống. Tôi khát quá, mẹ nuôi cũng lấy nước sông cho uống. Cứ xuôi theo dòng sông như thế, khoảng chín mười giờ tối bè được ép vào bờ. Tôi lại được đặt vào võng khênh đi.

Đêm đông, trời tối đen như mực. Một người đi trước, cầm bó đuốc to soi đường. Đường đi ngoằn ngoèo, cây che lúp xúp như đi trong một cái hang. Nói là đường, nhưng thực chất nó chỉ là một lối mòn, do người, súc vật đi lại lâu ngày tạo thành. Đoàn người cứ thế đi, đốt hết một bó đuốc,

bố nuôi tôi lại thay bố khác. Đốt cháy đến già nửa bó thứ hai, thì thấy có ánh lửa bập bùng ở sườn đồi bên cạnh. Mọi người nhằm hướng ánh lửa đi tới. Ngôi nhà đưa tôi vào là nhà nửa sàn, nửa đất. Nửa nền bằng đất để đun nấu và để đồ đạc dụng cụ; nửa nền bằng sàn nửa để ngủ. Họ đặt tôi lên sàn. Những người trong đoàn của tôi, và chủ nhà ăn mặc giống nhau. Họ tay bắt, mặt mừng, nói chuyện rôm rả. Vậy, họ cũng là người Mán? Mẹ nuôi tôi ra góc nhà, nghiêng một ống nứa to, rót nước trong đó uống. Bà mang lại cho tôi một bát. Tôi uống, nước lạnh ngắt - chắc là nước lã.

Lúc sau, nhà chủ mời mọi người ăn cơm. Cơm được nấu bằng một thứ gạo gì, hạt trông như nhộng ong, nhưng thơm và dẻo. Thức ăn là măng chua nấu với những con cá tròn lẳn như ngón tay, và một thứ rau rừng xào. Lúc nhà chủ xào rau, tôi thấy họ cho mỡ vào chảo đun to lửa, khi mỡ nóng già, họ bỏ rau vào, một ngọn lửa bùng lên, cháy đều trên chảo rau. Họ cầm một đôi đũa dài, đảo thật nhanh, đến khi lửa tắt thì họ cũng gấp rau ra. Mùi rau thum thum, nặng hơn mùi rau rút ở dưới xuôi, tôi không ăn được. Ở giữa mâm có một cái lon sành, màu da lươn, nhỏ bằng nắm tay, trong đó là ớt giã với lòng cá nướng. Mùi ớt rất thơm, nhưng cay, tôi cũng không ăn được. Tôi chan canh măng chua ăn, ngon quá, nên ăn được ba, bốn bát. Bố nuôi nhìn tôi hỏi:

- Chân mày còn đau à? Đừng buồn mà! Nhà này cũng có thằng Kinh đấy. Nó cũng bằng tuổi mày mà.

Tôi nhìn quanh nhà cũng thấy bốn, năm đứa trẻ, trong đó có hai thằng bằng tầm tuổi tôi. Bố nuôi tôi vậy một thằng đến bảo:

- Mày là thằng Kinh, thằng này cũng là thằng Kinh, nói chuyện với nó đi!

Nói rồi bố nuôi tôi lại đi uống rượu tiếp. Hai thằng chúng tôi ngồi lại với nhau. Tôi không biết bắt vào câu chuyện thế nào, nhưng nhìn bạn thấy rất thiện cảm. Mặt bạn bầu bầu, mắt tròn và sáng, chỉ có mái tóc là cắt nham nhờ, tạo thành một vành như cái rế đội lên đầu, nên trông ngộ ngộ. Chúng tôi cứ ngây ngây nhìn nhau, cuối cùng tôi lên tiếng trước:

- Cậu là con nuôi người Mán à?

- Ừ! Là con nuôi người Mán.

- Thế làm con nuôi người Mán từ bao giờ?

- Lâu rồi!

- Thế cậu bị mẹ mình bắt trộm à?

- Mẹ mình là gì? - Bạn ngây người nói - Mình không biết mẹ mình đâu.

- Thế ai bán cậu cho người Mán?

- Mẹ tớ!

Tôi tròn mắt nhìn bạn. Thấy vậy bạn giải thích:

- Nhưng mẹ tớ cho, chứ mẹ không bán tớ.

- Sao lại cho? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

Người bạn buồn rầu, vân vê vạt áo nói:

Đói! Đói lắm! Mẹ mình dắt các con đi ăn xin. Không nuôi được nữa thì cho. Không cho thì chết à?

- Thế quê cậu ở đâu? - Tôi cầm tay bạn hỏi.

- Xa lắm! Tận phủ Khoái Châu kia.

- Thế lên đây bằng cách nào?

- Bố tớ chết đói, mẹ tớ dắt bốn anh em tớ đi ăn xin. Đi mãi, đi mãi hết năm này sang năm khác rồi đến đây.

- Thế bây giờ anh em cậu ở đâu?

- Không biết được đâu. Mẹ tớ cho dân, cho dân, cuối cùng chỉ giữ lại đứa em bốn tuổi mang theo. Lúc chia tay tớ, mẹ tớ dặn: “Ồ với người Mán, được ăn no là mẹ mừng; khi nào kiếm được miếng ăn, có nhà, mẹ quay lại tìm”. Nói rồi, mẹ tớ lau nước mắt, công em tớ đi luôn. Tớ đứng nhìn mẹ gào lên, nhưng mẹ tớ không quay lại.

Dưới ánh lửa lờ mờ đốt bằng nhựa cây, tôi nhìn thấy mắt bạn ướt đẫm. Tự dưng tôi thấy mình cứng cõi hơn. Tôi hỏi tiếp:

- Thế cậu có biết chữ không?

- Không!

- Thế ở đây có ai biết chữ không?

- Không! Chỉ có thầy cúng biết chữ nho thôi.

- Lúc này, thấy cậu nói chuyện bằng tiếng Mán, thế học tiếng Mán có khó không?

Thấy tôi hỏi sang chuyện khác, bạn vui vẻ nói:

- Không! Không khó đâu! Trẻ con học nhau nhanh lắm!

- Thế học bằng cách nào?

- À! Thấy bọn nó nói gì, mình cũng nói theo. Khi quen rồi, mình chỉ vào từng cái mà hỏi. Bây giờ cậu hỏi thử đi, tớ trả lời cho mà xem.

- Bố gọi là gì? - Tôi vừa nói vừa chỉ vào bố nuôi.

- Pha - Bạn trả lời.

- Mẹ gọi là gì?

- Dì - Bạn trả lời

Tôi lại hỏi tiếp và bạn tôi trả lời :

- Ăn cơm chưa, gọi là gì?

- Nhìn năng ma cheng è.

- Ăn cơm rồi gọi là gì?

- Nhìn năng đà gồ.

Tôi nhìn bạn gật gật không hỏi nữa, vì tôi đã học tiếng Pháp nên tôi biết - học nhiều một lúc rất dễ quên.

Phủ Khoái Châu thì tôi đã nghe nói: Từ Hà Nội qua cầu Bồ Đề, đi xuôi theo bờ đê là đến. Trong tôi lại loé lên một tia hy vọng - nếu bạn tôi biết đường về Khoái Châu thì hay quá. Tôi nhìn trước, nhìn sau hỏi nhỏ:

- Thế cậu có biết đường về phủ Khoái Châu không?

Bạn tôi lắc đầu, vẻ buồn buồn, nói:

- Không! Chắc là xa lắm! Mẹ mình dắt đàn con đi ăn xin, cũng phải hai năm mới tới được đây. Mà dù có nhớ đường, mình cũng không về nữa đâu. Ở đây, người Mán quý mình lắm. Với lại mình đi khỏi đây, sau này mẹ mình biết tìm mình ở đâu được?

Tia hy vọng tìm đường về quê như ánh sao le lói trong lòng tôi lại vụt tắt. Tôi ngồi im không hỏi gì nữa. Tự nhiên, bụng tôi thấy đau và sôi ùng ục. Tôi nói nhỏ với bạn đòi đi ỉa. Bạn dẫn tôi đi. Tôi mím chặt môi cố nhịn, không thể thì phân trong bụng tôi sẽ tự phụt ra ngoài mất. Đặt chân xuống đất là đau nhói, như đặt trên đồng gai. Tôi vẫn nén đau, tập tễnh theo bạn. Bạn định dẫn tôi xuống khe suối. Đi được một đoạn, không chịu được, tôi tụt quần ngồi thụp xuống. Trong bụng tôi như một bể nước lớn, nó phụt ra như tháo cống. Tôi thấy nhẹ người, nhưng bụng vẫn đau quặn lại.

Một đàn chó đánh hơi thấy mùi phân, chúng lao đến tranh nhau. Tôi sợ quá đứng vọt lên. Nước không có, giấy chùi không có, mùi hôi nơ nhóp trong quần toả ra. Đàn chó vây quanh, chúng cứ nhằm đít tôi đấm mõm vào. Bạn tôi chạy vào nhà, lấy ra một nắm đóm, đốt lên, dìu tôi xuống khe suối.

Cả đêm hôm ấy, tôi đi ngoài đến năm, sáu lần. Người tôi mệt lả, miệng khô, mặt hốc hác, cánh tay, cẳng chân teo tóp lại. Đêm ấy, tôi cứ chập chờn, lúc ngủ, lúc mê. Muốn nói với bạn nhiều lắm, nhưng mệt không nói được. Tôi khóc, nhưng người đã kiệt nước không còn ra nước mắt được nữa. Tôi nấc lên, bạn ôm chặt lấy tôi. Tôi cố sức lấy tay sờ vào mặt bạn, để thay lời cảm ơn. Nhưng khi sờ vào đến khuôn mặt bầu bĩnh, có làn lông tơ mát rượi của bạn, thì nước mắt bạn cũng chảy đầm đìa. Bố mẹ nuôi tôi và những người đi cùng, có lẽ sau một ngày đi đường mệt mỏi, họ đặt

lưng xuống là ngủ luôn. Tôi đau bụng, đi lại nhiều thế mà vẫn không ai biết gì.

Tôi ôm bạn nằm im, lúc sau rét run cầm cập. Tôi đòi uống nước, bạn đánh thức ông chủ nhà - bố nuôi của bạn dậy để xem cho tôi. Lúc đó, mẹ nuôi tôi cũng đã tỉnh. Bạn tôi nói tiếng Mán với họ. Mẹ nuôi tôi lao vào bế tôi. Bà ôm chặt tôi vào lòng, nước mắt giàn giụa. Bà chủ nhà vội xúc gio nóng trong bếp, cho đầy vào chiếc bát ăn cơm, đổ nước vào. Bát gio bốc hơi nóng xèo xèo. Bà ta lấy vải bịt vào miệng bát, chờm vào bụng tôi. Lúc sau tôi thấy ấm lại, bụng có đỡ đau hơn, nhưng vẫn khát và mệt lả. Ông chủ nhà lấy một bát nước lã, một nén hương và một con dao đi đến giữa nhà. Bạn tôi nói nhỏ với tôi :

- Làm phép đuổi ma đấy!

Ông chủ nhà cầm nén hương vái đi tứ phía. Sau đó lại ngoáy ngoáy nén hương trên mặt bát nước. Ông lại đặt nén hương nằm ngang bát nước, cầm dao vừa hú, vừa chém vào không khí. Xong, ông đưa bát nước cho tôi uống. Tôi uống vào được một lúc, bụng lại sôi lên ùng ục, lúc sau tôi đòi đi ỉa, và bao nhiêu nước trong bụng lại đẩy hết ra ngoài. Tôi nằm vào lòng mẹ nuôi, mắt đờ đẫn.

Sáng sớm hôm sau, bà chủ nhà lên rừng đẽo một nắm vỏ cây, đun nước thuốc cho tôi uống. Tôi thấy đỡ đi ngoài, nhưng chỉ húp được vài thìa nước cháo. Mọi người lại chuẩn bị lên đường, lúc ấy, tôi mới nhớ là chưa hỏi tên người bạn tối qua. Tôi hỏi nhỏ:

- Thế họ tên bạn là gì?

- Là Bàn Văn Tảng.

Tôi có ý không hiểu, vì cả họ và tên nghe rất lạ. Thấy vậy bạn giải thích:

- Đây là tên người Mán đặt cho. Cúng ma xong thì đặt tên. Còn tên cũ của tớ là Đầy. Nhà tớ có bốn anh em, đặt tên là: No, Ấm, Đầy, Đủ- bố mẹ tớ mong được như thế!

Tôi nhìn bạn, lại nghĩ tới hoàn cảnh của mình- cái mong ước ấy với nhà tôi thật nhỏ nhoi, nhưng với bạn thì nó lớn lao quá. Lúc chia tay bạn bảo:

- Trên Lũng Vài cũng có mấy bạn người Kinh, mới về làm con nuôi người Mán. Thấy bảo, quê đâu tận phủ Xuân Trường. Nhất định tớ sẽ đến Lũng Vài chơi.

Tôi rơm rớm nước mắt, gạt đầu. Tôi lại được đặt nằm lên võng khênh đi. Yếu quá, lúc tỉnh, lúc mê, không biết đường đất, cảnh vật là gì nữa. Tâm độ giữa trưa thì về đến nhà. Tôi vẫn được uống nước vỏ cây và húp cháo loãng. Bố nuôi tôi thấy tôi buồn, cho người đi đến hai nhà bên cạnh, tìm về hai người cũng chạc tuổi tôi. Bố nuôi tôi bảo:

- Nó cũng là thằng Kinh đấy! Mà nói chuyện với nó đi!

Tôi nhìn hai bạn, hỏi chuyện, biết được một bạn tên là Lục Văn Sinh, một bạn tên là Lý Phúc Tinh. Tôi hỏi tên cũ là gì? Hai bạn lắc đầu. Một bạn nói:

- Không được gọi tên cũ nữa đâu, con ma nó bắt đấy!

Qua câu chuyện, tôi biết: Bạn Tinh quê ở phủ Xuân Trường, bố mẹ phiêu bạt lên Yên Bái làm ăn, nghèo đói quá phải bán bạn cho người Mán lấy gạo cứu sống gia đình; bạn Sinh quê Tân Đệ, bố mẹ chết đói cả, có người quen dắt lên Lũng Vài cho làm con nuôi.

Buổi tối, hai bạn được gia đình cho ngủ lại với tôi. Tôi vẫn uống nước vò cây và húp nước cháo. Có một điều, tôi thấy rất lạ là: Đến nửa bữa cơm, hai bạn và mấy đứa trẻ con trong nhà, bê bát cơm ra mấy ống vầu đựng nước lã, chan vào ăn. Tôi hỏi hai bạn:

- Không sợ đau bụng à?

Một bạn trả lời:

- Ăn thế mới được nhiều, quen rồi. Ngày bé, ở nhà dưới xuôi cũng uống nước lã, có sao đâu?

Hai bạn nằm xuống là ngủ ngay. Còn tôi, tôi không sao ngủ được. Sàn ngủ chỉ cao hơn mặt đất độ hai gang tay. Dưới sàn là cả một đàn lợn, thỉnh thoảng chúng lại cắn nhau, húc mõm lên sàn. Gần sáng, đàn gà trống dưới gậm sàn, vỗ cánh gáy âm ỉ, bụi ở gậm sàn bay lên làm tôi sặc sụa.

Ngày hôm sau, bố nuôi tôi bảo:

- Phải cúng con ma thôi. Cái con ma nó chưa biết mày là con tao, nó làm cho mày ốm đấy!

Buổi chiều, thấy một ông thầy cúng đến nhà. Ông cắt một bông hoa bằng giấy, để lên bàn thờ. Quần áo ông mặc đằng trước, đằng sau có hai tấm vải nhỏ được thêu những

hình thù rất lạ. Ông cúng một lúc, rồi lấy bông hoa giấy đưa cho bố nuôi tôi. Sau đó tôi được đặt tên là: Triệu Quý Tiên.

Thế là từ nay, cái tên Thành - Nguyễn Văn Thành của tôi không còn nữa. Ở đây, không ai biết tôi có cái tên là Thành. Vậy chỉ còn có bố, mẹ, anh, chị, người thân của tôi là còn nhớ. Nhưng nhớ để làm gì? Tôi không có ngày về lại nơi mình sinh ra nữa. Đến đây, tôi lại hiểu thêm một điều là: Bố mẹ nuôi- những người đã mua tôi, đến mấy người bạn tôi mới quen biết, cũng không thấy ai hỏi tên tôi là gì. Tôi như đứa trẻ mới sinh ra, ngày đây tháng mới được đặt tên.

Theo cách học tiếng Mán bạn Tăng mách cho, mỗi ngày tôi lại học thêm được một ít. Sau một tháng, tôi đã nói chuyện được bằng tiếng Mán. Những bạn là người Mán cũng đã đến chơi, nói chuyện với tôi. Ngày tết đến, các bạn rủ tôi đi đánh quay, ném còn. Tôi không đi được. Từ ngày về Lũng Vài, sau trận đi tả, bụng tôi cứ to dần và cứng đanh lại. Người tôi chỉ còn là nắm da bọc xương. Bố nuôi tôi đã cúng rất nhiều mà không khỏi. Đã qua hai cái tết, tôi vẫn nằm bẹp ở xó nhà. Ngồi dậy là mắt hoa, run lấy bẫy. Tôi thường bò lết, chứ không đi được. Sang đến năm thứ ba, có một bà Mán đến nhà chơi. Bà bảo tôi bị ngã nước. Bà ra vườn đào những con giun đất to, cho thêm một số lá cây, vò cây vào một ống nứa đun lên cho tôi uống. Tôi sợ quá, không uống. Tôi ở thành phố, nên những con giun, con đĩa chưa thấy bao giờ. Nói đến giun, tôi rất sợ. Nhớ

ngày đầu bị bán và đưa về đây, qua cánh rừng già. một con vạt xanh rơi bộp từ trên lá cây xuống, nó ngẫu ngào đo trên cánh tay, tôi sợ quá thét lên. Nay lại phải uống nước con giun, tôi rùng mình muốn mửa. Mẹ nuôi tôi bảo:

- Thuốc tốt mà! Có cả lá chanh, thơm ngon như nước luộc gà đấy!

Bà Mán lấy thuốc cho tôi cũng nói:

- Thuốc này có vỏ cây, lá cây, uống ngon đấy! Không sợ đau! Không uống, con ma nó vạt chết mày đấy!

Nói đến chết, phải làm con ma thì tôi sợ. Những lúc mệt tưởng chết, tôi vẫn nghĩ đến bố mẹ, đến người thân. Hy vọng một ngày nào đó, tôi sẽ trở lại cố hương. Nghĩ đến đấy, tôi mạnh dạn nhắm mắt, bịt mũi, cầm bát thuốc uống một mạch hết ngay. Bà Mán nói đúng - quả thực tôi uống thấy rất ngon, không thấy gì là tanh cả. Bà Mán cho tôi uống ba ngày liền, mỗi ngày ba bát. Hết ngày thứ nhất, tôi đi ỉa ra toàn mùi hôi thối. Sang ngày thứ hai, tôi thấy bụng nhẹ bẫng. Đến ngày thứ ba, bụng bé dần và tôi bắt đầu ăn thấy ngon miệng. Khoảng nửa tháng, bệnh tôi khỏi hẳn. Tôi theo các bạn đi chăn trâu, theo người lớn đi làm nương, theo đi học săn thú rừng, học ném chài bắt cá.

Đón cái tết năm 1945, lúc đó tôi đã khoẻ. Gần tết, tôi theo mẹ nuôi đi chợ. Qua bản người Tày, họ gọi tôi là thằng Mán. Tôi không nói gì, cúi xuống tự ngắm mình - đúng, tôi là Mán thật rồi! Tôi mặc quần áo Mán, nói tiếng Mán... Quần tôi mặc, bằng vải do mẹ nuôi tôi dệt. Vải được dệt từ bông tự trồng, tự kéo sợi. Dệt xong, được

nhuộm bằng nước ngâm của cây chàm. Tôi hay giúp mẹ nuôi nhuộm vải, tay dính nước chàm trông chẳng khác gì một bàn tay bằng gỗ nhuộm. Quần tôi mặc không có giải rút. Mẹ nuôi buộc cho tôi một cái dây vào bụng để vấn cặp quần. Da bàn chân tôi đã dày lên. Tôi leo đồi, lội suối băng băng. Đã ba năm nay tôi không đi dép. Mà nói cho đúng, làm gì có dép mà đi.

Chợ tết ở miền núi cũng lèo tèo, có một số bà hàng xén là người Kinh ở nơi khác về bán hàng. Xong phiên chợ, họ lại đi. Người Mán không mang hàng ra chợ bán bao giờ. Thỉnh thoảng có một vài người Kinh vào tận bản mua các thứ mà người Mán làm ra. Người Mán ra chợ là để chơi, xem chợ là chính, khi nào cần thứ gì mới mua. Tôi thích pháo quá - pháo làm cho tôi nhớ lại tuổi thơ; nó làm tôi nhớ quê nhà da diết. Người Mán có con ma là để giữ người, chứ không giữ được nỗi nhớ của tôi. Tôi thần thờ ngồi bệt xuống hòn đá đầu chợ. Mẹ nuôi tưởng tôi mệt, mua mấy cái kẹo vùng cho tôi ăn. Tôi cầm, nhưng nỗi nhớ quê làm cho tôi buồn tê tái. Tôi đứng xa xem mấy đứa trẻ người Kinh đốt pháo. Đến gần, sợ chúng nó bắt nạt. Thấy tôi cứ dán mắt nhìn lũ trẻ con đốt pháo, mẹ nuôi mua cho tôi mười quả pháo tếp. Với tôi, thế là hạnh phúc lắm rồi. Tết đến, sáng mông một đi chơi, tôi cầm để khoe chứ không đốt. Bọn trẻ con trong bản, xun xoe nịnh tôi, để tôi đốt cho chúng xem. Thỉnh thoảng tôi mới đốt một quả. Tôi đi đâu, chúng cũng lảng nhảng bám theo, như đàn ruồi bám vào con trâu. Chúng đòi đổi con quay lấy pháo, tôi chơi một lúc rồi không đổi nữa. Gần tết, bọn trẻ trong

bản thường lên rừng chặt các cây gỗ tốt về đẽo con quay. Tôi cũng làm theo, nhưng không được. Con quay tôi đẽo ra nó vẹo vọ, mỗi lần quay, nó nhảy lác cặc chứ không ngù. Bọn trẻ ở đây, từ bé chúng đã được làm quen với con dao, nên dùng dao rất thành thạo. Con quay chúng đẽo ra trông nó cân đối, nhẵn nhụi như quả trứng.

Từ xa xưa, người Mán chưa về đây, người Tày mỗi khi cày cấy xong thường đem trâu vào thung lũng này thả. Trâu thả qua mùa đông ở đây, đến vụ cày bừa năm sau mới bắt về làm. Lũng Vài là gọi theo tiếng Tày - nghĩa là vùng thả trâu.

Lũng Vài là một cái thung lũng đẹp. Xung quanh là núi cao, tạo thành một vùng đất rộng, tròn đều như lòng chảo. Trên núi cao, bốn mùa mây trắng bám lấy sườn đồi. Mùa mưa, thác nước từ trên cao đổ xuống, trông xa như một dòng bạc. Những buổi chiều tà, khói lam từ mái nhà bốc lên, quện với sương mù tạo thành những làn mây trắng làm cho cảnh vật thêm huyền ảo. Đến Lũng Vài chỉ có một con đường duy nhất, gọi là đường Cổng Trời. Đường ngoằn ngoèo, có đoạn phải len qua khe đá, có đoạn phải vượt dốc, người đi sau tưởng người đi trước dẫm lên đầu mình. Nhưng khi gần đến Cổng Trời, ta gặp ngay những cơn gió núi mang theo hơi lạnh, hun hút cuốn về, để lại cho mỗi người một khoái cảm đến kỳ lạ, tưởng như mình sắp bước tới trời!

Trong một năm có nhiều lễ tết, người Mán coi tết Nguyên đán là thiêng liêng nhất. Mọi nghi lễ ngày tết được

chu đáo, ắt trong năm vạn sự sẽ tốt lành. Ngay từ chín mười giờ sáng ngày mồng một, già, trẻ, gái, trai về tụ hội nơi trung tâm làng bản. Họ múa hát cầu may, cầu mùa. Múa xong thì cúng. Năm ấy tôi đã mười lăm tuổi. Khởi ốm là tôi bắt đầu ăn giả bữa. Đến gần tết, tôi đã khoẻ bình thường, giọng bắt đầu vỡ, nói ồ ồ. Tôi đã ăn ở với người Mán qua ba cái tết, nhưng đây là cái tết đầu tiên tôi đi chơi. Lũng Vài ở trên cao, chịu cái rét nhiều hơn, nên hoa nở rất đẹp. Trước tết độ gần một tháng là hoa mơ, hoa mận nở trắng rừng. Đúng tết là hoa đào lại nở. Người Mán không chơi hoa cắm trong lọ như người Hà Nội. Họ cứ để hoa nở tự nhiên trên cây, trông quyến rũ lắm. Vào vườn đào, tưởng như mình lạc đến cảnh thần tiên!

Con gái người Mán chỉ mê những chàng trai biết chữ nhỏ, biết cúng. Người nào không biết những thứ đó thì rất khó lấy vợ. Tôi không biết chữ nhỏ, không biết cúng, nhưng tôi lại biết chữ Quốc ngữ. Cả vùng Lũng Vài, chỉ mình tôi biết chữ. Cần đọc, cần viết cái gì là họ lại nhờ tôi. Bởi vậy tôi thấy mình ở đây cũng quan trọng, chẳng khác gì một ông thầy cúng! Khi vỡ giọng, ra đường thấy con gái đã biết thích, tôi để ý, nhiều cô gái cũng lườm nguyệt với tôi.

Sáng mồng một tết, cả nhà ăn bánh nếp xong là ra ngay một bãi cỏ rộng ở trung tâm Lũng Vài. Thanh niên nam nữ xếp thành hai hàng ném còn cho nhau. Nhìn ngoài tưởng là vô tư, nhưng thực chất các đôi nam nữ đã nhắm người mình thích mà đứng đối diện. Tôi cũng lựa một cô

gái mà tôi thích. Cô gái đó là Lý Thị Mẩy. Cô vừa ném còn, vừa nhìn tôi đắm đuối. Mấy chàng trai bên cạnh lớn hơn tôi, ném còn sang cho Mẩy, nhưng cô không bắt. Ném còn được một lúc, thì bắt đầu hát đối. Các đôi nam nữ đã có ý với nhau từ trước, họ ý tứ trao gửi tình cảm cho nhau qua ánh mắt. Tôi nhìn Mẩy khẽ gật đầu, và đi trước ra gốc cây bên bờ suối. Lúc sau Mẩy cũng ra theo. Mẩy biết tôi chưa thông thạo phong tục, cho nên chọn những câu hát đơn giản để tôi dễ đối lại. Tôi không biết hát, vả lại tôi cũng không thích hát, nên cứ ngây ra nhìn Mẩy. Tôi ngắt một bông hoa rừng đưa cho Mẩy. Tay Mẩy run run, hai bên má mọng căng, đỏ lựng như quả cà chua chín. Nhìn dọc theo hai bên bờ suối, thấp thoáng trong những lùm cây từng đôi trai gái cũng dập dìu tình tự bên nhau. Con trai người Mán mười bốn mười lăm, con gái mười ba mười bốn là đã đến tuổi dựng vợ gả chồng. Tôi mười lăm tuổi là đã lớn rồi. Mẩy nhận hoa rồi bẽn lẽn nói:

- Mày thích tao thật à?

Tôi đứng lặng nhìn Mẩy. Muốn dùng một câu thật hay để nói với Mẩy. Nghĩ ở trong đầu thì được, nhưng dịch ra tiếng Mán cho trôi chảy thì khó quá. Thành thử tôi phải nói theo đúng từ của người Mán:

- Ừ! Tao thích mày thật đấy!

Ném còn xong là đến các tiết mục múa hát. Đầu tiên là múa Thương. Dân bản chọn ra năm chàng trai khỏe mạnh, mặc áo màu đỏ để múa. Người Mán coi màu đỏ là màu của sự may mắn. Thương là một vũ khí người Mán

dùng để dẹp quỷ, trị thần. Các chàng trai tay cầm thương tỏ vẻ dũng mãnh. Họ nhảy theo điệu Thất tinh, Bát quái, Cửu cung. Người Mán quan niệm tết Nguyên đán không chỉ riêng của con người, mà là tết của cả quỷ thần. Người múa ra những đường điệu dũng mãnh, xuất thần. Họ vừa múa, vừa hú lên những tiếng lạnh lùng, làm cho quỷ thần khiếp sợ, dẹp loại ma tà, bảo vệ mùa xuân, giữ yên cho dân bản. Các chàng trai múa Thương xong, mọi người cảm thấy cuộc sống thanh bình; mùa xuân đến, xuân sắc muôn màu, hoa lá, cỏ cây tươi tốt hẳn lên!

Múa Thương xong, đến lượt các cô lão múa Tàu biểu. Các cô lão cũng mặc quần áo đỏ, vấn khăn đỏ trên đầu, tay cầm biểu, xếp thành hàng đi vòng tròn. Thư biểu là ý nguyện của dân bản. Chiêng trống nổi lên, một người đứng bên cất giọng đọc:

Hỡi nữ thần binh chủ!

Hãy xuống nhận biểu tàu.

Hãy tàu lên tam giới.

Tới các vị thần linh!

.....

Chiêng trống dồn dập, thôi thúc, các già làng nhảy theo nhịp trống. Người đứng bên đọc tiếp:

Cầu tam giới thần linh, tứ phương thần thánh hãy ban cho dân làng:

Đầu rắn như đá

Tay chắc như sắt

Chân cứng như đồng

Lợn gà nhiều như sỏi cát

Thóc gạo nhiều như núi rừng

Người người bình yên, nhà nhà vô sự!

Điệu múa vừa chấm dứt, mọi người hoan hỷ, mong được như lời khấn cầu đến thần linh. Mười hai cô gái mặc quần áo dài, cổ áo đính hai túm sợi vải màu hồng rủ xuống hai bên ngực; trên đầu cũng đội khăn màu đỏ có các tua xoắn xuống; thắt lưng được thắt bằng các khăn màu đỏ, xanh, vàng; tay mỗi cô gái cầm một chiếc quạt giấy, cũng là màu hồng. Đến giữa vòng người, các cô bắt đầu uốn lượn múa theo nhịp trống.

Đám thanh niên choai choai như chúng tôi chẳng xem múa, mắt cứ dán vào các cô gái mà mình thích. Mấy cũng có trong đội múa, tôi đứng ở góc nào, Mấy cũng lựa chiều đưa ánh mắt về phía tôi.

Mẹ nuôi tôi bảo: “Biểu tâu của các bô lão đã làm động lòng nữ thần Đế mẫu. Nữ thần sai mười hai nữ hoa vương giáng trần. Mỗi nữ hoa vương ứng với một tháng: Tháng giêng - Dần hoa vương; tháng hai - Mão hoa vương; tháng ba - Thìn hoa vương... Và cứ như thế, cô gái thứ mười hai là Sửu hoa vương. Các nàng đến trao phúc cho những đứa trẻ thơ như hoa, như búp. Vòng tay các cô mềm mại, uyển chuyển như ôm ấp, dỗ dành đứa trẻ. Các nàng còn truyền cho dân mùa màng trong năm, cách gieo trồng, gặt hái... Các nàng còn thông qua điệu múa, để tỏ rõ vẻ yêu kiều, khoe đẹp cùng hoa, khoe sắc cùng xuân”.

Sang xuân, bố mẹ nuôi mời thầy cúng đến nhà làm lễ cấp sắc, dạy chữ nho cho tôi. Tôi học rất nhanh, đến cuối năm đã viết được số, học thuộc một số bài cúng. Bố mẹ tôi mừng lắm - vì tôi đã thành người lớn!

Khi sang tuổi mười sáu, bố mẹ nuôi đi hỏi vợ cho tôi. Người Mán khi đến tuổi dựng vợ, gả chồng bao giờ cũng do bố mẹ tìm cho. Nhưng cũng không hẳn như thế, thường là bố mẹ quan sát xem qua các buổi ném còn, qua cuộc sống giao tiếp con cái mình có ý với ai, mới tìm người mới lái làm các thủ tục.

Trường hợp của tôi, bố mẹ nuôi áy náy vô cùng. Ông bà biết tôi và Mẩy đã có ý với nhau, nên cũng ưng. Nhưng cùng thời gian ấy, có Bàn Văn Chưởng cũng thích Mẩy. Mặc dù Mẩy không ưng Chưởng, nhưng bố mẹ tôi vẫn lo, vì Chưởng là con ông Bàn Văn Quang. Ông Quang tuy không có chức sắc gì, nhưng nhà ông giàu nhất Lũng Vài: Có ao cá, có chục mẫu ruộng, có cả đàn trâu thả trong rừng. Ao nhà ông thả hàng đàn cá bống, nhiều con to bằng bắp đùi, dài đến ba gang tay. Nhưng cái đó bố tôi cũng không ngại lắm, vì đồ thách cưới với ai cũng như nhau cả thôi. Nếu không có đồ thách cưới thì đi ở rể hai ba năm cũng có sao đâu. Cái quan trọng là ở chỗ ông Quang thân tình với thổ ty Hoàng Văn Thừa. Mỗi lần thổ ty Thừa về Lũng Vài bao giờ cũng ăn nghỉ ở nhà ông Quang, nên cả vùng Lũng Vài ai cũng nể sợ. Tuy vậy, cuối cùng bố mẹ nuôi tôi vẫn tìm người làm mối để lo việc cưới hỏi cho tôi. Bố nuôi tôi không sợ ông Quang, vì ông Quang biết ít chữ

nho; thằng Chuông cũng không biết chữ nho, không biết cúng. Còn tôi, tôi biết nhiều chữ nho, thuộc các bài cúng, lại biết cả chữ Quốc ngữ nữa. Cả Lũng Vài này, chỉ mình tôi biết chữ Quốc ngữ. Mỗi khi có giấy tờ quan trên đưa về, lý trưởng đều đến nhờ tôi đọc. Do vậy tôi cũng là người quan trọng! Vì thế mà bố nuôi tôi yên tâm, đến nhà Mấy dạm vợ cho tôi.

Đầu tiên là lễ so tuổi. Chọn ngày tốt, giờ tốt, bố nuôi tôi mang ba đồng trinh sang nhà Mấy xin tờ Lộc mệnh. Trong tờ Lộc mệnh có ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm sinh của Mấy. Lúc đi đường sang nhà Mấy, bố nuôi tôi không gặp rắn bò qua đường, không nghe thấy tiếng nai kêu- vì đây là điềm tốt, nên bố nuôi tôi về nhà mừng lắm. Đến nhà thầy cúng so tuổi, tôi và Mấy lại hợp tuổi nhau nên bố tôi càng mừng.

Bố nuôi tôi lại nhờ thầy cúng xem ngày để làm lễ dạm ngõ. Ông Lục Văn Vạn là người khéo nói nhất bản Khe Đanh, được bố nuôi tôi nhờ làm người mối lái. Ông đi cùng với bố nuôi tôi sang nhà Mấy. Mặc dù sự việc đã rõ là đi dạm ngõ, nhưng ông Vạn vẫn ý tứ thưa:

- Chúng tôi sang đây thưa chuyện, muốn xin ông một cây sào về cho cháu Tiên phơi quần áo! Cháu Tiên cũng đã lớn rồi, không phơi quần áo bậy bạ được...

Bố Mấy lại nói:

- Ô! Cây phơi quần áo thì có đấy, không biết gia đình bên ấy có ưng không?

Nói xong, ông rót rượu mời bố nuôi tôi và ông Vạn. Được lời, bố nuôi tôi mang hai đồng tiền kẽm, đặt lên đĩa đưa cho bố Mẩy. Bố Mẩy nhận lễ. Một tuần sau, được ngày tốt, nhà Mẩy báo cho nhà tôi sang, chính thức làm lễ ăn hỏi. Bố nuôi tôi đưa lễ ăn hỏi gồm hai đồng xu đen và hai hào bạc trắng, được gói trong giấy hồng điều. Bố nuôi tôi thông báo tuổi của tôi và Mẩy hợp nhau. Gia đình nhà Mẩy bê mâm cỗ lên để hai gia đình uống rượu. Trong bữa rượu, ông mới thay mặt nhà trai xin phép nhà gái cho chúng tôi đi lại hai nhà thăm nhau. Bố Mẩy đồng ý và hứa không nhận lời gả Mẩy cho ai nữa.

Nhà tôi nghèo không có tiền trả lễ cưới, nên có thể tôi phải sang nhà Mẩy ở rể hai năm. Nhưng bố mẹ nuôi tôi lại không muốn thế. Là con nuôi, nhưng tôi lại là con trai duy nhất trong nhà, nên bố mẹ nuôi không muốn tôi phải đi ở rể. Ông bà phải kiếm đủ lễ, nên ngày cưới chậm lại. Thời gian này tôi thường sang nhà Mẩy giúp việc. Có lần tôi đang cùng Mẩy làm cỗ nướng, thì nghe thấy tiếng chuông ngựa đến gần. Chúng tôi dừng tay, ngẩng lên nhìn thì đã thấy Bàn Văn Chưởng, cùng mấy người lạ mặt, sấn vào chúng tôi. Ngựa của chúng giẫm cả lên nương lúa. Thăng Chưởng mặt hầm hầm nhìn tôi quát:

- Cái thằng Mán giả này! Mày tưởng, mày biết cái chữ thì muốn làm gì cũng được à? Tao không biết chữ, nhưng tao có cái này này.

Nói rồi, hắn kẹp roi ngựa vào nách, hai tay lia đi lia lại, miệng kêu:

- Tầng tầng...tầng, tầng, tầng...tầng.

Xong rồi, bọn chúng thúc ngựa lao vút đi. Mấy sợ quá, cầm cào đứng nép vào sau tôi. Còn tôi, tôi bị bất ngờ, nên đứng trân trân nhìn chúng nó. Lúc sau tôi quay lại cầm tay Mấy. Mấy vẫn còn run, nắm chặt tay tôi. Mặc dù không hiểu được sự việc sẽ như thế nào, tôi bình tĩnh lại và kéo đầu Mấy vào ngực, khẽ nói:

- Không sao đâu! Chúng nó đi rồi.

Mấy đứng im, tôi nhẹ nhàng vuốt lên tóc Mấy. Lúc sau, Mấy ngược mắt nhìn tôi nói:

- Bố em bảo, thằng Chưởng này nó ác lắm đấy! Nó đã theo thổ ty Hoàng Văn Thừa lên Tà Chải, vào nhà Hoàng A Tưởng mấy lần rồi. Mấy thằng đi theo là người Tày Tà Chải cả đấy.

Hoàng Văn Thừa thì tôi đã biết. Đất ở vùng Lũng Vài này là do ông ta cai quản cả. Vụ lúa năm ngoái trời hạn, lúa nương mất trắng, vậy mà bố nuôi tôi phải đi vay bạc trắng để nộp thuế cho nó. Còn Hoàng A Tưởng thì tôi mới chỉ nghe nói đến - ông ta là vua Mèo, có nhà to lắm, có lính gác, có cả vợ bé ở Lũng Vài này, đi đến đâu dân cũng sợ. Bây giờ thằng Chưởng đi lính cho Hoàng A Tưởng, là tay chân của Hoàng Văn Thừa, bản tính lại hung ác nên sẽ rất nguy hiểm.

Thằng Chưởng sau lần dọa tôi, nó đi khỏi Lũng Vài, không thấy về nhà nữa. Bố nuôi tôi bán trâu và đi vay trong họ được tất cả hai mươi đồng bạc trắng, cũng đủ đặt lễ cho nhà gái. Bố nuôi tôi đặt ba đồng xu và hai hào bạc trắng

lên trên tờ giấy hồng điều, đã ghi rõ ngày tháng tổ chức lễ cưới. Sau khi nhà gái nhận giấy hồng điều, bố nuôi tôi đặt lễ cưới có người làm chứng viết vào giấy cho mỗi nhà giữ một bản. Bố nuôi tôi lại lấy hai hào bạc trắng và bố Mấy lấy hai cái vòng tay bằng bạc, trao đổi cho nhau. Từ đây hai chúng tôi tự do đi lại với nhau.

Một tháng sau, gia đình tổ chức lễ cưới cho tôi và Mấy. Thầy cúng cắt cho mỗi nhà một ít câu đối để dán lên cột, dán lên xà nhà trang trí. Rồi thầy cúng lại yểm bùa vào cột, để ma tà không ám hại được cô dâu, chú rể.

Tôi muốn ngày cưới đến thật nhanh, để tôi và Mấy sớm được ở với nhau. Nhưng đám cưới của người Mán thì rườm rà lắm, có khi phải một ngày, một đêm mới xong. Đoàn đón dâu, không kể tôi là có chín người. Mỗi người được phân công làm một việc. Việc ấy họ phải thành thạo. Ông Châu - trưởng đoàn đón dâu, là người am hiểu phong tục tập quán, ứng xử giỏi, đã có gia đình hạnh phúc, đã có con trai; ông thay mặt nhà trai đưa mọi lễ vật cho nhà gái.

Ông Lục Văn Vạn là phó đoàn đón dâu. Ông là người khéo nói, thuộc các bài hát để đối đáp. Trước khi đi, ông làm phép thu vía của tất cả mọi người vào ô rồi khấn: “Hôm nay là ngày Dần, tháng Chạp, năm Bính Tuất, con là Lục Văn Vạn được gia chủ là Triệu Quý Tiến ở bản Khe Kẹm- Lũng Vài, mời đi hành hoá ở bản Khe Đanh. Con kính mong thầy, bố thầy giúp con điều binh khiển tướng, hạ đàn giáng lễ! Hú...! Hú...”

Hú xong, ông tung một nắm gạo vào ô, cụp ô lại và kẹp vào nách. Như vậy là vía của mọi người đã được thu vào ô. Bảy người còn lại cũng được phân công cho mỗi người một việc. Có người cầm lễ, có người hát đối, có người phù rể... Đến gần nhà Mấy, đoàn đón dâu vào nghỉ nhờ ở một nhà - đã được bố trí sẵn từ trước. Đây là thủ tục bắt buộc, dù gần hay xa đều phải làm thế. Vào nhà, ông trưởng đoàn cho mọi người kiểm lại đồ lễ, chỉnh lại trang phục. Xế chiều, đoàn đón dâu đi đến nhà Mấy, còn tôi ở lại nhà trọ chờ.

Tôi cũng đã được xem nhiều đám cưới của người Mán, nên tôi cũng hình dung ra các thủ tục mà đám cưới của tôi phải trải qua. Đoàn phải đi qua ba cửa ải, mỗi cửa ải là một thủ tục khác nhau. Bên kia cửa ải là một số người của họ nhà gái. Họ ra những câu đối, bên nhà trai phải hát đối, nếu đối được thì mới phá được cửa ải ấy để đi. Tôi ở nhà trọ nhìn thấy thế, sốt ruột quá. Chỉ sợ đoàn đón dâu không đối đáp được. Mãi đến lúc chiều tà, đoàn mới qua được hai cửa ải. Đến sẩm tối, đoàn mới qua được cửa ải Thành Hoàng làng. Khi nhận đủ tiền "mãi lộ" đoàn nhà gái mới hát câu:

Đến buồng cô dâu chớ ngại.

Thấy lam điền (cô dâu) ắt gặp phúc rồi.

Nghi lễ đón dâu diễn ra ở giữa nhà. Trong nhà được treo hai câu đối:

*"Rông Phượng được buổi dương quang tung bình hội /
Loan ca vạn cây hợp đào duyên";* câu khác là: *"Tân tân khai đường do thế tục / Châu trần tụ hội đến Hồng cung"*

Khoảng sáu giờ tối, đoàn đón dâu chín người của nhà trai, từ từ tiến vào trước mâm cúng tổ. Đoàn đi vòng một lượt quanh mâm và đứng chéo, so le nhau. Ông Châu - trưởng đoàn đón dâu trịnh trọng bưng một chiếc hòm mây phủ vải đỏ, trong đựng mười hai Hồng lễ: Một cái quạt hoa, một cái cân tiểu ly, một cái đĩa có hai chén rượu, một cái lọ đựng các thứ còn lại. Khi đưa chiếc hòm mây, ông Châu kính cẩn đi chéo chân, đến trước mặt bố cô dâu. Bố cô dâu trịnh trọng đỡ lễ và nâng lên, hạ xuống ba lần. Sau đó được chuyển cho từng người đứng xung quanh, để dâng lên mâm lễ cúng tổ tiên. Ông đại diện nhà gái hỏi nhà trai:

- Cái gì là trời, cái gì là đất?

Ông phó đoàn đón dâu đáp:

- Càn là trời, khôn là đất.

Nhà gái lại hỏi:

- Các ông đi đâu?

Nhà trai đáp:

- Đoàn thuyền chín người chúng tôi, được nhà trai cử đi đón dâu.

Sau đó nhà gái hát những câu đố liên quan đến khai thiên, lập địa; nguồn gốc loài người; sự ra đời của người Mán; nguồn gốc nghi lễ đám cưới... Nhà trai phải lần lượt hát, để giải các câu đố. Đoàn đón dâu nhà tôi toàn là những người đã quen với các nghi lễ này, nên đối đáp rất trôi chảy.

Sau phần hát đố, nhà gái bày cỗ mời nhà trai ăn. Trong bữa cỗ, các nam thanh, nữ tú, lại tiếp tục hát giao duyên với nhau.

Tôi ở nhà trọ được chủ nhà cho ăn cơm, nhưng sốt ruột quá cũng chẳng còn nghĩ gì đến ăn. Mãi đến hơn tám giờ tối, ở nhà gái mới ăn xong. Từ lúc vào nhà gái, đến khi đón được dâu, phải qua mười thủ tục. Đến chín giờ tối mới được bốn thủ tục. Vậy là còn sáu cái lễ nữa mới được đón dâu. Gần đến giờ đón dâu, Mẫy được đưa từ buồng ra, trên đầu đội một chiếc khăn đỏ, rủ kín mặt. Lúc này tôi cũng được đón từ nhà trọ vào. Khi bước qua ngưỡng cửa, tôi được trùm kín đầu bằng một cái áo. Đến đây, cả lễ cưới im phăng phắc. Ông mới thỉnh mời gia tiên và các vị thần thánh, Bàn hoàng, Lôi công, Thổ địa, vua Bếp về ngự mâm tổ. Mời bà Mụ, thân Vía về ngự ở mâm Hợp duyên, chứng kiến lễ Hợp duyên của cô dâu, chú rể. Ông trưởng đoàn đón dâu làm phép thu vía cô dâu, sau đó ông đưa rượu để cho những người phù dâu, phù rể xoa rượu vào bàn chân cô dâu, chú rể. Trước sự chứng kiến của thần linh và hai gia đình, tôi và Mẫy đã thành vợ, thành chồng. Mẫy được bỏ khăn che mặt đi vào buồng. Tôi cũng được bỏ áo trùm đầu đi về nhà trọ.

Kể ra các thủ tục chỉ đến khoảng mười giờ tối là xong, sau đó có thể đón dâu được. Nhưng Mẫy sinh vào giờ Tý, nên đến đúng giờ Tý mới được đón dâu. Theo tục lệ, tôi không được đi cùng đoàn đón dâu mà phải đi trước về nhà. Hôm ấy là ngày rằm, trăng sáng vàng vạc. Cả Lũng Vài như nhuộm bằng ánh trăng bạc. Nhà Mẫy và nhà tôi cùng ở Lũng Vài, nhưng đường đi cũng xa lắm! Là đoàn đón dâu nên phải đi chậm, không được đi tắt, do vậy phải đến một giờ đêm mới gần về đến nhà. Bỗng từ phía Cổng Trời thấy

tiếng ngựa hí vang, người, ngựa chạy râm rập. Thấy vậy, tôi vội chạy quay lại chỗ đoàn đón dâu. Đến nơi, đã thấy đoàn đón dâu chạy dạt xuống lòng khe. Lúc sau, đoàn người, ngựa cũng đuổi kịp đoàn chúng tôi. Thấy dưới lòng khe có người, đoàn cuỡi ngựa lao xuống vây quanh. Dưới ánh trăng, tôi nhận ra bố con thằng Chưởng và một số người ở Lũng Vài có trong đoàn đó. Người nào cũng lăm lăm trong tay một khẩu súng. Thấy đoàn chúng tôi, họ cùng đồng loạt giơ súng lên trời bóp cò. Những quầng lửa loé lên như ánh chớp, theo sau là một loạt tiếng nổ đến đình tai và mùi khét lẹt của thuốc súng. Đoàn đón dâu ôm nhau nằm bẹp dí vào khe đá. Quần áo người nào cũng bê bết, hai hàm răng đánh vào nhau cồng cộc. Thằng Chưởng nhảy xuống ngựa, tiến sát về phía tôi và Mấy, tay lăm lăm khẩu súng, mắt gườm gườm. Nó lên đạn nghe roạt một tiếng. Âm thanh do kim khí chạm vào nhau, nghe lạnh đến tận xương sống. Nó xĩa đầu khẩu súng vào giữa tôi và Mấy hất mạnh. Mấy rời tay tôi, ngã ngửa ra đất. Thằng Chưởng không nói gì, chỉ hừ một tiếng rồi quay lại. Cùng lúc ấy, bố thằng Chưởng - ông Bàn Văn Quang nói to: “Bọn Việt Minh đã tràn về đến Lào Cai và Phố Lu. Quốc dân đảng tạm rút về Phong Thổ, Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà... Bà con không được sợ. Lúc này chúng tôi tưởng bà con là Việt Minh, nên phải vây bắt. Từ nay quân của Quốc dân đảng sẽ ở Lũng Vài, chống lại Việt Minh. Quyết không để Việt Minh đặt chân tới Lũng Vài. Từ ngày mai, bà con phải nộp gạo, gà, lợn để nuôi Quốc dân đảng. Quốc dân đảng sẽ bảo vệ cho bà con khỏi ách của Việt Minh. Nhà nào có

thanh niên, phải cho gia nhập quân đội Quốc dân để tập bắn cái súng, bảo vệ Lũng Vài, để chiếm lại Lào Cai.” Nói xong, bố con thằng Chường và bọn người bảo là Quốc dân đảng lại lên ngựa, rầm rập phóng đi.

Bọn chúng đi xa rồi, đoàn đón đầu mới hoàn hồn. Ông trưởng đoàn tự nhìn lại mình và nhìn lại mọi người cùng đi ngao ngán. Ô cửa ông trưởng đoàn và của ông làm mối trong đó có thu vía của mọi người, nay đã rơi ra đất toi tả. Tôi lo quá, chắc là vía của mọi người đã lạc vào rừng mất cả rồi! Nhưng trong hai cái sợ, cái sợ nào lớn hơn, thì nó sẽ lấn lướt cái sợ bé hơn. Tôi sợ bố con thằng Chường hơn, chắc mọi người cũng thế, nên chẳng còn sợ gì cao hơn nữa. Hai ông trưởng, phó đoàn cụp ô kẹp vào nách, tiếp tục dẫn đoàn đón đầu về nhà. Chẳng ai bảo ai, cả đoàn ã cắm cúi đi như chạy, lúc sau thì về đến nhà. Các thủ tục đón đầu vẫn làm đầy đủ, nhưng vội vã, qua loa. Mỗi người ăn một chút, rồi người nào vội về nhà ấy. Đám cưới của tôi, không tổ chức hát đối qua đêm nữa.

Bọn Quốc dân đảng, được bố con thằng Chường chia về các nhà để ngủ. Trong bọn họ, có cả người Mèo, người Tày, người Giáy và người Kinh. Thổ ty Hoàng Văn Thừa chỉ huy bọn chúng. Bố con thằng Chường là người Lũng Vài, quen biết thung thỏ, được Hoàng Văn Thừa giao cho cai quản vùng Lũng Vài. Bọn chúng cử người đến từng bản, từng nhà bắt nộp muối, nộp gạo, nộp gà... Dân tuy sợ, nhưng bắt đầu phản đối, một số hộ đã bỏ nhà lên rừng ở. Bọn chúng mang hàng tập tiền giả về mua hàng của dân. Dân không biết nên vẫn nhận. Vào nhà dân, chúng đều nói:

“Người Pháp sắp quay lại Lào Cai rồi. Người Pháp có tàu bay, có súng to, có ô tô, có tàu hỏa, lại giàu nữa. Còn Việt Minh chẳng có súng. Người Pháp mới giỏi, Việt Minh chẳng ăn thua gì...”

Người Mán ở Lũng Vài bán tín, bán nghi - người Pháp, họ đã nhìn thấy ở Phố Ràng, Nghĩa Đô, còn Việt Minh mới chỉ nghe nói, chưa ai nhìn thấy, nên nhiều người nghe theo. Nhiều nhà còn cho con trai đi theo để chúng dạy bắn súng. Có nhiều người ở lại đi làm lính.

Đám cưới của tôi vừa được mấy ngày, thỉnh thoảng thằng Chưởng lại đến nhà. Nó cứ nhìn chăm chăm vào vợ tôi. Bọn chúng đi ba bốn người, thằng nào cũng có súng. Bố tôi sợ quá, đưa cả nhà lên núi cao trốn. Được độ gần một tháng, bọn chúng kéo quân đi khỏi Lũng Vài. Mấy ngày sau, nghe đồn bọn chúng đã chiếm được Lào Cai. Dân trốn ở trên rừng lại trở về nhà. Nhà tôi vụ này thu hoạch được khoảng hai trăm cum lúa - cũng khoảng một tấn thóc. Khi quay về bản thì thóc lúa, lợn, gà đã bị chúng lấy hết sạch. Tôi và bố nuôi tôi phải lên rừng đào củ mài và lấy cây đao rừng về băm ra làm thức ăn thay cơm. Ăn các thứ này, tuy bụng lúc nào cũng căng nhưng không thấy hết đói, chân tay bủn rủn, người rệu rã. Củ mài, đao rừng lấy mãi cũng hết, phải đi lấy củ nâu về ăn. Củ nâu nạo ra, đem ngâm xuống suối cho đỡ khát. Khi đồ lên, nó dẻo quánh rất hấp dẫn. Nhưng khi ăn, nó nghẹn ứ, không sao nuốt nổi.

Tết năm 1946, là cái tết thứ tư tôi ở với người Mán. Một số nhà có con đi theo thằng Chưởng, không bị cướp

lúa gạo, nên vẫn có cái để ăn tết. Những nhà khác đều đói, chả ai còn nghĩ gì đến ngày tết nữa. Lễ hội đón mùa xuân mới cũng không được tổ chức. Cả nhà tôi thay phiên nhau lên những cánh rừng xa, để đào củ mài và lấy cây đao rừng về ăn. Dân bản cũng vậy, ban ngày hú gọi nhau trong rừng, còn dễ hơn về bản tìm nhau. Vừa kiếm thức ăn, vừa phát bãi để trồng lúa, trồng ngô. Nhà tôi làm một cái lều nương, tôi và Mấy thường ở luôn trên ấy. Thịnh thoảng mẹ nuôi tôi lại mang cho vài dúm muối. Mấy vẫn thường phải cắt cỏ gianh phơi khô, đốt lên, lấy tro ngâm vào nước để ăn. Nước tro cỏ gianh có vị hơi mặn mặn, nên cũng dễ chịu.

Một hôm vừa tra xong lúa, vào khe tìm măng, bỗng nhìn thấy ba người đàn ông đi cắt rừng về Lũng Vài, tôi tưởng là bọn thàng Chưởng dẫn người từ Lào Cai về, sợ quá đứng nép vào tảng đá. Ba người này chạc độ hai lăm, ba mươi tuổi, ăn mặc quần áo người dân tộc, nhưng họ lại nói với nhau bằng tiếng Kinh. Quan sát một lúc, tôi khẳng định họ là người từ nơi khác đến. Mặt trời cũng đã lặn, tôi thấy họ lấy dao đi chặt nứa, chặt lá làm lán ở. Một người ngắm nghía lúc lâu, rồi tiến gần tới hòn đá chỗ tôi và Mấy đang nấp - chắc là tìm chỗ làm lán. Mấy sợ quá, ôm chặt lấy tôi rú lên. Chúng tôi định bỏ chạy nhưng hai chân run lên cầm cập, khụy xuống. Người lạ mặt cũng giật mình khựng lại, tay cầm con dao lăm lăm nhằm về hướng chúng tôi. Thấy tiếng kêu, hai người đi chặt nứa cũng chạy lại. Mỗi người cầm một vật gì đó ngắn độ hơn gang tay kéo roạt một cái, tiếng kêu khô khốc, lạnh ngắt giống như năm ngoái thàng Chưởng về bản kéo cò súng chĩa vào tôi và

Mấy. Tôi đoán đấy là súng, nên càng sợ - chắc thằng Chương cho người về giết tôi để cướp Tôi. Tôi nhắm nghiền mắt lại, ôm chặt lấy Tôi, phó thác cuộc đời cho số phận.

Tôi nằm yên để chờ một tiếng súng nổ, chờ một viên đạn xuyên vào đầu. Bản xong thế nào chúng cũng hất xác tôi xuống vực. Dưới ấy sâu hun hút, đá tai mèo lởm chởm. Nó là cái hố tiêu nước cho cả một vùng, những ngày mưa lũ, nước réo âm âm, vút một quả bưởi xuống đáy phải bốn năm giờ đồng hồ nó mới theo nước ngầm ra đến dòng sông. Nếu xác tôi vút xuống đấy, chắc sẽ nát vụn vì đá tai mèo, cơn mưa tới sẽ cuốn đi không để lại dấu vết gì. Cuộc đời tôi sẽ chấm dứt tại đây. Bỗng dung nước mắt tôi ứa ra. Tuy vậy, tôi vẫn dành một chút thời gian ngăn ngui để nghĩ về cuộc đời này. Điều tôi nghĩ tới đầu tiên đó là Tôi. Tôi ôm chặt lấy em, nhưng bỗng tay tôi rời ra, một ý nghĩ bất chợt nhanh như tia chớp rạch ngang bầu trời, trong tôi như có một tiếng nổ kinh hoàng: Tôi chết, Tôi sẽ sống với thằng Chương chứ? Cuộc đời Tôi sẽ như thế nào? Tôi có còn nhớ tới tôi nữa không? Tôi có đủ can đảm để nhảy xuống cái vực này với tôi không? Trời ơi! Sao cuộc đời lại trái ngang đến thế? Tôi chết trước Tôi, làm sao tôi biết được Tôi sẽ như thế nào? Tôi choáng váng, thấy có lỗi với Tôi quá. Tôi lại ôm chặt lấy em. Tôi nghĩ tới bố mẹ đẻ, tới các anh, các chị tôi, ước mơ trở lại cái nơi mình sống thời thơ ấu thế là hết. Tôi lại nghĩ về bố mẹ nuôi tôi, nhớ tới những người bạn mới, nhớ tới những người Lũng Vài đã đến thăm, cúng ma và thuốc thang trong hai năm rông tôi

óm liệt giường... Tôi muốn nói với bố mẹ nuôi tôi lời vĩnh biệt. Nhưng nói bằng cách nào đây? Quì gối van xin chúng hay sao?... Mấy vẫn ôm chặt lấy tôi. Cả tôi và Mấy đều lặng đi, chìm trong bóng tối. Tôi ghé sát tai Mấy khẽ nói:

- Nếu chúng vất anh xuống vực, em nhảy xuống cùng anh đừng để bọn thằng Chưởng bắt nhá! Chúng ác lắm, em không sống được với chúng đâu.

Mấy ôm chặt lấy tôi, má em áp sát vào má tôi, nước mắt đầm đìa khẽ gạt đầu. Tôi mẫn nguyện quá. Chúng tôi ôm chặt lấy nhau, không nói câu gì nữa. Tôi đau đớn chờ nghe một tiếng nổ. Tôi như con thú bị sập bẫy, chỉ còn biết nằm chờ thợ săn đến đập hòn đá vào đầu. Tôi thấy trong kẽ chân, kẽ tay và những chỗ da non trên người buồn buồn, những con vắt bò nguêu ngào trên tay, trên mặt. Bọn chúng có ba người, không thấy thằng Chưởng đi cùng, chắc còn đắn đo mà chưa bắn. Nếu là thằng Chưởng thì tôi không xin, thà chết còn hơn. Đây là những người lạ, tôi với họ có thù oán gì nhau đâu. Nghĩ vậy, tôi quay lại nói:

- Thưa các ông! Vợ chồng tôi là người lương thiện, chỉ biết có làm ăn, không có thù oán gì với các ông, mong các ông tha cho. Vợ chồng tôi xin đội ơn các ông. Thằng Chưởng nó thù tôi, vì nó nghĩ tôi cướp vợ của nó. Nhưng thực tình thì không phải thế, vợ tôi không yêu nó. Nhà nó chưa đến nhà Mấy dặm ngõ. Khi Quốc dân đảng về đây, mọi nhà nộp gạo, muối, lợn, gà, nhà tôi cũng nộp đầy đủ...

• Có lẽ tôi nghĩ và hành động đúng chẳng? Họ đã cất súng đi, một người châm lửa, đốt đuốc. Khi lửa sáng, hai người còn lại vội giúp chúng tôi bắt từng con vắt bám trên

người. Tôi bình tĩnh nhìn họ. Trông họ người nào cũng xanh và gầy, nhưng rất thiện cảm. Một người nhìn tôi và Mấy nói:

- Thôi! Hết rồi! Vất cần nhiều thế này, mất nhiều máu quá, phải ăn một tháng mới lại. Thế hai em ở đâu?

Tôi tự tin trả lời:

- Dạ! Lũng Vài - ở bản Khe Kẹm. Thế còn các anh?...

- À! Các anh đi làm ăn, đến đây lỡ độ đường nên dừng lại làm lán ngủ qua đêm ở đây. Thế em không phải là người Mán à?

Có lẽ thấy tôi nói năng không ngọng, nên họ nhận ra tôi không phải là người Mán. Ở đây, phụ nữ, người già không biết nói tiếng Kinh. Bọn con trai bằng tuổi tôi, cũng chỉ biết lồm bồm vài từ. Bố nuôi tôi và một số người hay ra phố, tiếp xúc với người Kinh nhiều thì mới biết. Nhưng khi nói, thì người nào cũng còn ngọng. Tôi trả lời:

- Vâng! Em không phải là người Mán. Em là người Hà Nội, bị bắt cóc bán cho người Mán.

Tôi vừa nói chuyện, vừa giúp họ làm lán. Độ một tiếng sau, cũng dựng xong lán. Mấy giúp họ kê mấy hòn đá làm bếp và nhóm lửa, rồi chặt mấy ống nứa to - một ống đun nước uống, còn mấy ống nữa để nấu cơm nấu rau. Một người đi cùng, lấy tay nải gạo đổ ra nấu. Tôi ái ngại quá, vì ba người chỉ có một tay nải con, đựng độ vài cân gạo. Họ bảo:

- Buổi tối, các anh ăn cháo quen rồi!

Thấy vậy, tôi mạnh dạn nói:

- Chúng em cũng không có gạo. Hồi tháng trước, bọn Quốc dân đảng về đây, chúng cướp hết cả rồi. Nhưng ở rừng không thiếu ăn đâu. Các anh chờ một tý, em về lều nương lấy củ mài, để các anh nấu với mấy nắm gạo này. Dù sao thì cũng vẫn là cơm, ăn nó chắc dạ hơn.

Nói xong, tôi để Mẫy ngồi lại, rồi đi luôn. lát sau tôi quay lại mang theo củ mài, hoa chuối rừng và rau dớn. Mọi người nhặt rau, cạo củ mài nấu cơm. Thấy Mẫy bó một bó đuốc to, tôi hỏi:

- Bó đuốc để làm gì?

Mẫy bảo:

- Để bắt ếch về làm rau!

Tôi nói lại để các anh biết. Một anh trong đoàn cùng tôi đi bắt ếch. Ếch ở trên rừng cũng khác ếch ở dưới ruộng. Ếch ruộng là ếch cốm, chúng nhỏ và vàng ươm. Còn ếch ở trên rừng gọi là ếch đá - người trong làng gọi là ếch đất. Ếch đá có con to như cái bát ăn cơm, da đen thâm, chứ không vàng. Buổi tối chúng thường nhảy ra, ngồi trên các hòn đá bên khe nước để tìm bạn. Tôi chẻ nửa làm thành một cái roi, dài độ hơn một sải tay để vục ếch. Một anh trong đoàn đi cùng tôi soi đuốc. Tôi đi trước anh ta một bước chân, thấy ếch là vục. Đi bắt ếch đá tôi cũng chưa thạo lắm, nên vục thường bị hụt, ếch nhảy vục xuống lòng khe. Tuy vậy, ếch rất nhiều, lúc sau chúng tôi cũng bắt được một xâu.

Bữa cơm hôm ấy, các anh khen ngon và quý chúng tôi lắm. Vừa ăn, các anh vừa hỏi chúng tôi về nhân dân ở Lũng Vài. Tôi kể cho các anh nghe về thổ ty, về bọn Quốc dân đảng ức hiếp nhân dân. Các anh chú ý lắng nghe và còn hỏi chi tiết đến từng nhà. Qua câu chuyện, tôi biết chắc chắn các anh không phải là người đi làm ăn. Vì đi làm ăn thì sao lại có súng? Đi làm ăn tại sao không hỏi đến công việc? Một anh nhìn tôi và Mấy hỏi:

- Lúc nãy hai em tưởng các anh là Quốc dân đảng phải không?

- Dạ! Em nghĩ thế. Vì Quốc dân đảng mới có súng; Quốc dân đảng mới có nhiều người; chúng hay dọa dân.

- Thế các em có biết Việt Minh không?

- Dạ! Chúng em mới chỉ nghe bọn Quốc dân đảng nói, chứ chưa nhìn thấy bao giờ.

- Thế chúng nói thế nào?

- Chúng bảo: “Quốc dân đảng được người Pháp giúp. Người Pháp có máy bay, có ô tô, có tàu hoả, có nhiều súng, có nhiều tiền. Việt Minh không có súng, không có tiền. Người Pháp mới giỏi, Việt Minh không giỏi. Người Pháp sẽ trở lại Lào Cai giúp Quốc dân đảng. Ai theo Quốc dân đảng sẽ có súng, có tiền... Người dân tộc sẽ được cai quản Lào Cai; người Mán, người Mèo sẽ có vua của mình ...”

- Thế dân có tin không?

- Tin chứ! Lúc đầu nhà nào cũng tin. Tháng mười năm bốn năm, bọn chúng chạy từ Lào Cai, Phố Lu về đây nhà

nào cũng góp gạo, góp lợn, gà nuôi chúng. Nhiều nhà còn cho cả con trai theo, để chúng dạy bắn súng. Có nhiều người còn đi làm lính cho chúng.

- Thế bây giờ dân có còn tin chúng nữa không?

- Nhiều người không tin nữa. Bọn chúng với thổ ty và Hoàng A Tưởng ở Tà Chải cũng là một duộc cả thôi. Dân sợ lắm, trốn lên rừng cả rồi. Nhà em cũng phải lên cánh rừng này để trốn. Mùa này thu hoạch được lúa là ở lại đây luôn.

- Lúc này, nói đến thằng Chưởng có vẻ em rất sợ, nghĩa là thế nào?

- Nhà thằng Chưởng giàu, có thế ở Lũng Vài. Hai bố con nó là tay chân của Hoàng A Tưởng và thổ ty Hoàng Văn Thừa. Đầu năm ngoái, cả hai bố con nó ra Lào Cai theo Quốc dân đảng. Tháng mười, Quốc dân đảng bị thua ở Lào Cai, nó lại dẫn về Lũng Vài. Bao nhiêu thóc lúa, lợn, gà của dân, chúng cướp hết. Chúng mua bằng tiền giả mà. Thời gian ở Lũng Vài, chúng đón đường bắt được một cán bộ Việt Minh, cắt lấy tai đem đi đổi muối, rồi giết chết vạt xác xuống sông. Bây giờ ở Lũng Vài, người làm tay chân cho nó còn nhiều lắm. Người lạ không vào đây được đâu.

Ba người nghe tôi nói, họ trầm ngâm nhìn nhau, một anh lại hỏi tiếp:

- Thế nhà em có thù oán gì với nó?

- Dạ! Không có thù oán gì ạ! - Tôi vừa nói, vừa nhìn vào Mấy - Cũng vì Mấy thôi ạ. Thằng Chưởng nó thích

Mấy, nhưng Mấy không thích nó. Nó bắn tin: "Sẽ vút em xuống sông cho chết theo Việt Minh". Lúc này thấy các anh, cứ tưởng là thằng Chương cho tay chân về giết em, cướp Mấy nên chúng em sợ.

- Thế bây giờ, em còn sợ các anh nữa không?

- Dạ! Không sợ nữa ạ!

- Thế các em có sợ Việt Minh không?

- Dạ! Chúng em chưa thấy Việt Minh, nên cũng không biết nữa. Nhưng nếu Việt Minh đánh Quốc dân đảng, đánh bọn thằng Chương, thì dân không sợ.

- Nếu Việt Minh là những người cũng như các anh, thì em có sợ không?

- Nếu Việt Minh cũng như các anh thì em không sợ. Cả Lũng Vài này cũng không sợ.

Thấy tôi nói vậy, ba anh nhìn tôi vẻ rất phấn khởi. Một anh chỉ vào từng người trong đoàn nói:

- Việt Minh không phải như Quốc dân đảng nói đâu. Đây! Anh này là người Tày Cao Bằng, anh này là người Tày Lục Yên, còn anh là người Kinh Hà Nội, cùng theo Việt Minh cả.

Thấy nói đến Hà Nội, tôi nhìn anh rất thiện cảm. Một tình cảm vô hình nào đó trào lên trong tôi. Tôi cố kìm xúc động nghe anh nói tiếp:

- Các anh lên Lào Cai, nhất định có ngày sẽ trở lại vùng này. Mừng hai tháng chín năm ngoái, Việt Minh đã thành lập Chính phủ tại Thủ đô Hà Nội. Chính phủ của Cụ

Hồ kêu gọi các dân tộc phải đoàn kết chống giặc ngoại xâm, chống giặc dốt, giặc đói. Thế em có biết tên giặc ngoại xâm của nước ta là tên giặc nào không?

- Dạ! Là giặc Pháp và giặc Nhật ạ! - Tôi mạnh dạn trả lời.

- Đúng! Nhưng Nhật đã cuốn gói rút khỏi nước ta rồi, bây giờ chỉ còn giặc Pháp - anh người Hà Nội nói như giải thích - chúng đã cấu kết với Quốc dân đảng ở Lào Cai. Nhiệm vụ của ta bây giờ là phải chặn đường tiến lên Lào Cai của Pháp. Con đường thuận lợi nhất là chúng lên bằng tàu hoả. Nhiệm vụ của các anh là vận động nhân dân ở hai bên đường tàu, cùng nhau phá đường tàu đi. Vùng này xa các anh không đến vận động. Các anh chỉ nghỉ tạm ở đây rồi đi tiếp.

Nghe các anh nói đi tiếp, tôi buồn quá - đã lâu lắm rồi, hôm nay tôi mới được nghe người Kinh nói chuyện. Đặc biệt hơn người ấy lại là người Hà Nội. Nghĩ về Hà Nội, tôi thấy bản thân trong người. Tôi định hỏi anh về Hà Nội, biết đâu có thể anh lại biết được gia đình tôi. Nhưng tôi chưa nghĩ ra cách gì để hỏi, anh lại nói tiếp:

- Thế em có biết giặc dốt, giặc đói là gì không?

Tôi ngẫm nghĩ một lúc rồi lắc đầu nói :

- Dạ! Em chưa nhìn thấy nên không biết.

Anh vỗ vai tôi nói nhỏ:

- Giặc dốt, nó ở ngay trong cái đầu mình - nó là tai hoạ gây ra mọi thứ. Còn giặc đói là cái bụng của mình

không có ăn. Không có ăn thì không có sức. Không có sức thì không làm được việc gì nữa. Cái đói và cái đói của dân ta là do giặc ngoại xâm, do bọn thổ ty, lý trưởng, chánh tổng, và gần đây là do bọn Quốc dân đảng gây ra. Bây giờ dân ta phải đoàn kết lại để đánh Pháp, đánh Quốc dân đảng. Mọi người, mọi nhà phải tích cực trồng lúa, ngô, sắn, nuôi lợn, nuôi gà, ăn uống tiết kiệm, người đói ít giúp người đói nhiều để sống đến mùa thu hoạch; người biết chữ dạy cho người không biết chữ, để biết đọc, học được cái hay, cái tốt dần dần sẽ không còn đói nữa. Hết đói, hết đói thì mới đánh được thằng Pháp, mới làm chủ được mảnh đất này.

Anh dừng lại nhìn tôi, thấy tôi ngây ngây anh hỏi tiếp:

- Các anh nói thế, em có hiểu được không? Ở Lũng Vài, có nhiều người biết chữ Quốc ngữ không?

- Dạ! Em hiểu ạ! Còn ở Lũng Vài, chỉ có mình em biết chữ Quốc ngữ thôi ạ!

- Thế bây giờ em nói lại bằng tiếng Mán những điều anh vừa nói cho Mấy nghe xem nào. Nếu Mấy hiểu được thì người khác cũng hiểu được.

Từ tối đến giờ Mấy vẫn ngồi cạnh tôi, thỉnh thoảng lại cho thêm củi vào bếp và cầm đóm hơ quanh lán để đốt muỗi, đuổi vắt. Tôi nói lại những điều vừa nghe được cho Mấy biết. Đến đoạn Việt Minh cũng giống những anh này, cùng đánh Quốc dân đảng, đánh thằng Churchill thì Mấy mừng lắm.

Nhìn thấy niềm vui qua nét mặt Mấy, các anh rất vui. Lúc ấy, xa xa đã có tiếng gà gáy sang canh vọng về. Một anh móc chiếc đồng hồ quả quýt ra xem. Tôi đoán, chắc đã nửa đêm. Anh người Hà Nội quay sang hai anh kia nói nhỏ bằng tiếng Pháp. Tôi nghe được, ý anh này bảo: “Phải đi ngay, để đêm mai còn kịp vượt sông Thao, tránh bọn Quốc dân đảng ở Phở Lu”. Thấy vậy, tôi bảo:

- Các anh cứ ở lại đây, bọn tay chân thằng Chương không biết đâu. Sáng mai cắt đường rừng đi sớm, đêm mai cũng vượt sông được.

Các anh nhìn tôi ngỡ ngàng. Anh người Hà Nội nói:

- Thế em cũng biết tiếng Pháp à?

- Dạ! Em học từ ngày còn ở Hà Nội. Em đã nói chuyện được bằng tiếng Pháp.

Các anh nhìn tôi rất vui. Anh người Hà Nội ghì chặt lấy tôi nói:

- Các anh không ngủ lại được, công việc rất gấp. Khoảng dăm hôm nữa anh sẽ về Thái Văn chỉ huy phá đường tàu. Vùng này xa các anh không vận động, nhưng nếu các em đi được thì cũng rất hoan nghênh, và chắc chắn sẽ gặp anh. Lần sau quay lại, anh em mình sẽ nói chuyện Hà Nội. Hà Nội mình bây giờ cũng đang đánh Pháp rồi. Ngay cả chợ Đồng Xuân bây giờ cũng là điểm phòng ngự trọng yếu của quân ta. Anh là Lê Hà, anh người Cao Bằng là Cao Hùng, còn anh ở Lục Yên là Cao Huấn. Thế tên vợ em là Mấy, còn tên em là gì?

Nói đến chợ Đồng Xuân, tôi choáng váng cả người. Nơi ấy có mẹ và những có người thân yêu ruột thịt của tôi. Tôi cầm chặt lấy tay anh Lê Hà xúc động:

- Dạ! Tên em là Tiên - Triệu Quý Tiên ạ! Nhất định anh sẽ quay lại đây thật chứ?

- Ủ ! Nhất định anh sẽ quay lại. Anh em mình sẽ nói về Hà Nội. Còn những điều các anh vừa nói, cũng như cuộc gặp gỡ hôm nay, em chỉ được nói với người mình tin tưởng và những người cùng khổ như mình thôi nhá!

Các anh cán bộ Việt Minh đi rồi, tôi thao thức không sao ngủ được. Biết Lê Hà là người Hà Nội, biết chợ Đồng Xuân bây giờ là chiến tuyến phòng thủ của quân ta, tôi càng nhớ nhà da diết. Mẹ tôi, chị Thư tôi chắc phải đi tản cư đến nơi nào đây? Bố tôi ở Nam Định có kịp về nhà không? Anh Hồng, anh Tú tôi đã lớn lắm rồi, bây giờ ở đâu? Thời gian ngắn ngủi quá, trong đầu tôi muốn hỏi bao điều về Hà Nội mà không kịp. Các anh Việt Minh đến và đi chỉ như một cơn gió lướt qua vạt nương hẹp, nhưng đã để lại trong tôi bao điều mới mẻ. Mấy đã thờ đều đều. Tôi khẽ đứng dậy ra ngoài.

Đêm tháng sáu, những ngày hạ tuần trời không có trăng, nhưng xa xa trên bầu trời có vô vàn những vì sao nhấp nháy. Phía đông những đám mây vẫn vũ, báo hiệu một cơn giông sắp tới. Như có một điều gì thôi thúc không dừng được, tôi vào lều đánh thức Mấy. Chúng tôi theo đêm cắt rừng về bản. Tôi cầm tay Mấy rảo bước, muốn đi cho nhanh về nhà để nói chuyện với bố nuôi tôi. Về gần đến

nhà thì cơn giông ập tới. Chúng tôi vượt nước mưa, đi nhanh qua suối để tránh cơn lũ ống. Tới nhà thì trời cũng vừa rạng sáng. Máy con chó chạy vụt ra, nhảy quố lên đón chúng tôi. Vào nhà, tôi vội thay quần áo, rồi kể chuyện gặp Việt Minh cho bố nuôi tôi nghe. Bố tôi trầm ngâm một lúc, rồi nói:

- Năm ngoái, tháng chín, mồng hai bố có ra ga Thái Văn, thấy treo cờ đỏ sao vàng, cờ Pháp thì bỏ đi. Cũng nghe nói Việt Minh đã có mặt ở Hà Nội và các nơi, nhưng cũng chưa nhìn thấy Việt Minh. Còn Lào Cai thì mãi tháng mười, mới có Việt Minh lên cướp chính quyền, nhưng sau đó Quốc dân đảng chiếm lại. Việt Minh rút đi, nên cũng chưa nhìn thấy Việt Minh thế nào.

Bố tôi lặng lẽ ngồi hút thuốc. Lúc sau, ông lại hỏi tôi về ba ông Việt Minh. Tôi kể lại những điều nhìn thấy, nghe thấy cho bố nuôi tôi nghe. Mấy cũng phụ họa vào, kể theo. Bố nuôi tôi mừng lắm. Ông nhả nha nói tiếp:

- Việt Minh lên, chắc là đánh bọn Quốc dân đảng ở Lào Cai. Nhưng nó thua, nó lại chạy về đây thì khổ quá!

Tôi nói lại cho bố tôi biết, những điều Việt Minh dặn: Phải trồng ngô, trồng lúa để chống đói. Phải phá đường tàu, chặn đường thàng Pháp lên Lào Cai. Chuyện đi phá đường tàu, tôi cố phân tích nhấn mạnh thêm. Tôi bảo: Không đi phá đường tàu, thàng Pháp lên Lào Cai hợp sức với Quốc dân đảng, dân mình càng khổ... Cái thôi thúc tôi nói ra điều này, chính là tôi muốn đi gặp Lê Hà để hỏi về Hà Nội. Tôi không nói cho bố tôi biết ý định này. Kể cả

Mấy tôi cũng không cho biết. Vì người Mán không thích cho người con nuôi biết về quê cũ của nó. Tôi cố phân tích để cho bố tôi đồng tình với việc tôi đi phá đường tàu. Ông trầm ngâm một lúc rồi hỏi:

- Đi phá đường tàu, ủng hộ Việt Minh như thế cũng tốt thôi! Nhưng từ Lũng Vài ra đến đường tàu xa lắm, đi một mình không được đâu!

- Phải rủ một số bạn nữa cùng đi chứ! - Tôi sốt sắng nói.

- Không! Nhưng tao không cho mày đi được đâu! - Bố tôi vừa lắc đầu vừa nói - bọn thằng Chương mà biết được, bảo mình đi theo Việt Minh, nó chặt cái đầu mình đấy!

Nghe nói vậy, tôi cũng sợ. Nhưng cuối cùng thì tôi cũng nghĩ ra cách thuyết phục. Tôi vội đến nhà hai bạn người Kinh làm con nuôi người Mán ở cùng bản, là Lục Văn Sinh và Lý Phúc Tinh nói chuyện. Được gia đình hai bạn đồng ý, chúng tôi cùng nhau đi tìm bạn Đặng Văn Nhộn và Hoàng Tiến Lục. Các bạn này nhà cũng nghèo. Nghe tôi nói là đi phá đường tàu lấy sắt về đánh dao, đánh cuốc và làm súng kíp, gia đình các bạn đồng ý ngay. Người Mán quý sắt lắm! Có sắt thì người Mán rèn ra vật dụng gì cũng được. Tôi ước mơ có sắt để nhờ người rèn cho một con dao nhọn. Có con dao nhọn bằng sắt tốt, vào rừng tiện lắm.

Đoàn chúng tôi gồm năm người, ai cũng có ngựa, có súng kíp, có dao và có gạo thịt mang theo. Đến Cốc Lụ thì cũng gần trưa, chúng tôi vào nhà Bàn Văn Tảng - người

bạn đã dạy tôi cách học tiếng Mán hôm tôi bị đưa về Lũng Vài. Cả nhà Bàn Văn Tảng rất vui vẻ, nấu cơm cho chúng tôi ăn. Tôi kể với bố bạn Tảng là chúng tôi đi phá đường tàu lấy sắt về rèn dao, cuốc. Bố bạn Tảng không tin, vì đường tàu của người Pháp, có phu canh giữ từng đoạn, không lấy được. Tôi nói: Người Pháp thua rồi, đường tàu không có tàu chạy nữa, không có người gác, dân các nơi đều đến cắt sắt về rèn dao, rèn cuốc cả. Minh không đi lấy, sợ họ lấy hết! Cuối cùng thì bố Tảng cũng tin, và đồng ý cho Tảng đi theo chúng tôi.

Tối hôm ấy, chúng tôi đến bản người Nhắng - bản mà lần trước đi mua tôi, bố nuôi tôi vào nghỉ nhờ. Tôi cũng biết một ít tiếng Nhắng nên cảm ơn ông chủ nhà đã cho tấm chăn sui để làm võng khiêng tôi, rồi nói chuyện đi lấy sắt đường tàu cho ông nghe. Ông chủ nhà bảo ở chỗ ông cũng có một số người đi rồi. Chúng tôi nghỉ đêm ở đấy và sáng hôm sau dậy sớm lên đường, đến quá trưa thì đến ga Thái Văn. Ra đến đường tàu, mấy bạn đi cùng chưa nhìn thấy đường tàu bao giờ ngẩn người hỏi: “Ôi!... Cái thang gì mà dài thế!” Thấy đường tàu đang bị phá, chúng tôi cũng tham gia. Tôi vừa làm, vừa quan sát tìm anh Lê Hà, Cao Hùng và Cao Huấn. Lúc sau có một toán người khoác túi dết đi tới. Tôi nhận ra trong đó có Lê Hà, vội chạy tới cầm lấy tay anh:

- Anh Hà!

- Trời ơi! - Lê Hà nhìn tôi sững sốt - Triệu Quý Tiên Đường xa thế, em cũng đi được thật à?

- Dạ! Còn có năm bạn đi cùng nữa ạ!

- Tốt lắm! - Lê Hà ôm lấy vai tôi nói - Anh Cao Hùng, Cao Huấn chỉ huy phá đường ở gần Lào Cai, còn anh tập hợp nhân dân ở khu vực này. Chỉ hết ngày hôm nay là bốn mươi cây số đường tàu từ Thái Văn lên Lào Cai sẽ phá xong. Yên Bái, Phú Thọ nhân dân cũng đang tổ chức phá. Vậy là quân Pháp không thể lên Lào Cai bằng đường tàu được nữa. Thế em nói thế nào mà các bạn đi cùng?

- Dạ! Bố nuôi em bảo, không cần thận tay chân bố con thằng Chương biết được mình đi theo Việt Minh, nó không tha cho đâu. Nên ông lo lắng bảo: “Người Mán quý sắt như vàng bạc, rủ bạn đi lấy sắt là được”.

Anh Lê Hà nhìn tôi gật đầu, nói:

- Ừ ! Thế cũng được!... Nhưng... đường tàu chỉ phá hỏng đi thôi, không được lấy. Sau này đánh xong bọn Pháp, ta còn khôi phục lại cho tàu của ta chạy. Các em có tinh thần như vậy là rất tốt! Bây giờ em ra làm cùng các bạn, đến chiều các em có thể về luôn. Ở đây lâu cũng không tiện.

Tôi định hỏi anh về chợ Đông Xuân, nhưng đi cạnh anh, tôi thấy mình nhỏ bé quá. Những câu hỏi trong đầu tôi như có luồng gió cuốn đi đâu hết. Anh quàng tay qua vai tôi ôm chặt và nói tiếp:

- Chuyện của người Hà Nội mình thì nhiều lắm! Nhất định có ngày anh sẽ đến Lũng Vài, anh em mình ngủ với nhau cả đêm, tha hồ mà nói.

Nói xong, anh và mấy người trong đoàn đi ngược theo hướng Lào Cai. Tôi thấy băng khuâng quá - như vừa được

lại vừa mất một báu vật, ngăn người nhìn theo anh khuất vào bóng núi. Cả tuyến đường tầu bị bẫy lên vạn vẹo như vỏ đỗ. Khoảng bốn giờ chiều thì đường tầu bị bật lên hết. Máy bạn đi cùng hỏi:

- Làm thế nào mà lấy được sắt?

Tôi bảo:

- Tưởng đường tầu ngăn, nhẹ thì lấy được. Ai ngờ nó to và dài thế, thôi không lấy nữa. Mỗi người nhặt một ít đinh bù - loong này cũng được. Nó cũng là sắt tốt đấy!

Các bạn nghe theo, mỗi người nhặt được một ít bỏ vào bao, đặt lên lưng ngựa.

Lần này về, rút kinh nghiệm hôm tôi mới bị bán lên đây, tôi bảo các bạn: Trên đỉnh dốc, đầu nguồn con suối này có nhiều hổ lắm. Ta đi một đoạn rồi vào nhà dân ngủ, mai đi tiếp. Khoảng hơn năm giờ chiều, chúng tôi đến một bản người Tày ngủ nhờ. Ở đây cũng có nhiều người đi phá đường tầu, nên họ rất vui khi biết chúng tôi cũng đi phá đường tầu về. Chúng tôi biết tiếng Tày rất ít, chỉ đủ để hỏi ngủ nhờ, mời cơm, nên nhà chủ cho ăn cơm xong, buộc ngựa cẩn thận là chúng tôi đi ngủ luôn. Vì đã biết đường, lại đi ngựa, đi với bạn bè nên tôi cảm thấy đường đất cũng không xa lắm.

Về đến nhà, tôi mang một chiếc đinh bù - loong đi nhờ đánh ngay một con dao nhọn. Người Mán làm thợ rèn rất thành thạo. Họ thường lên rừng chặt cây nghiêng, hầm lấy than về đốt lò rèn. Những chiếc đinh bù - loong mang về, bố Lý Phúc Tinh rèn nhỏ lại thành hình lục lăng; mỗi đoạn

dài khoảng một gang tay, nung đỏ, dùng khoan, khoan thủng thành một lỗ nhỏ như đầu ngón tay út chạy dọc theo chiều dài. Những đoạn ấy khi khoan xong, được nối lại với nhau thành một ống dài khoảng gần một sải tay. Sau đó đánh bóng, hun khói, lắp thêm báng gỗ và lắp vào là trở thành súng kíp.

Tôi giúp bố Lý Phúc Tinh kéo bê mấy ngày liền. Rèn xong nòng súng, ông rèn cho tôi một con dao găm. Dao găm của người Mán dài khoảng hơn một gang, lưỡi bầu, sống dao hơi cong về phía mũi. Nó có thể chặt được nứa, thái rau, thái thịt, khoét nõ điều... Tóm lại là nó rất tiện lợi. Rèn xong, ông đi chặt rế xoan nhừ về làm chuôi. Rế cây xoan nhừ thớ vụn, xoắn tít vào nhau, nên không bị nứt. Sau khi cắm dao vào chuôi, ông dùng mảnh thủy tinh tỷ mỉ mài cạo nhẵn theo thớ vụn của gỗ, nên nó nổi vân rất đẹp. Được con dao này, là cả một mơ ước lớn của tôi. Suốt ngày tôi đeo nó bên người, chỉ khi đi ngủ mới chịu treo lên vách.

Từ khi gặp tốp Việt Minh của anh Lê Hà, tôi đem những chuyện ấy kể lại với bố nuôi tôi. Ông trầm ngâm không nói gì. Tôi sợ những người làm chân tay cho thằng Chương nghe được thì liên lụy to, nên không dám đi nói với ai. Bố nuôi tôi cũng không nhắc gì đến chuyện ấy nữa. Nhưng độ nửa tháng sau tôi thấy rất nhiều nhà lên rừng làm lán, phát rẫy trồng ngô. Tôi hiểu, chắc chắn bố nuôi tôi đã đi nói với mọi người. Hoặc cũng có thể có đoàn Việt Minh nào, ngoài đoàn của Lê Hà đã đến đây, nói về những điều như Lê Hà đã nói với tôi.

Quãng tháng bảy năm bốn sáu, dân Lũng Vài bỗng nhiên nhón nháo hẳn lên. Những nhà đã làm lán ở trên rừng, vội thu dọn đồ đạc, bỗng bế nhau lên lán ở. Những người họ Bàn, họ Hoàng thì vẫn ở lại nhà. Thỉnh thoảng lại có một toán dăm bảy người ăn mặc xộc xệch, mặt mũi hốc hác, nhưng người nào cũng có súng. Họ là người Kinh ở dưới xuôi chạy lên. Họ vào đến Lũng Vài được những người họ Bàn, họ Hoàng làm tay chân cho bố con thằng Chưởng cho vào nhà nghỉ, và được cho ăn uống. Mấy ngày sau, họ lại được dẫn đường đi ra Phố Lu và Lào Cai. Nhà tôi cũng chạy hết lên rừng, nên sau mới biết bọn chúng là Quốc dân đảng ở Vĩnh Phúc, Phú Thọ, bị Việt Minh đánh cho tan tác, tìm đường chạy lên với Quốc dân đảng ở Lào Cai.

Nghe theo lời Việt Minh, nhà tôi và những nhà khác ở Lũng Vài, cuối năm thu được rất nhiều lúa, ngô. Nhà nào cũng phải làm thêm lán ở trên nương để chứa. Nhưng trốn được Quốc dân đảng, trốn được thổ ty, chánh tổng lại gặp phải lũ khỉ. Khỉ kéo nhau từng đàn từ núi đá về phá phách. Phải nói, chúng khôn chẳng kém gì người! Cứ từng đoạn lại có một con trèo lên cây cao quan sát. Thấy người chúng hét âm ỉ, rung cây báo động. Chúng bẻ ngô, tách hạt, nhét đầy trong cái bông bên má. Chúng còn lấy dây sắn rừng buộc quanh người, nhét bắp ngô vào, mang về hang. Ăn trộm ở nương không còn, chúng về tận lán ăn trộm. Nếu chỉ có đàn bà, con gái ở nhà, chúng không sợ, nên nhà nào cũng phải có đàn ông, hoặc có chó ở nhà canh giữ.

Thời gian ấy, Việt Minh qua Lũng Vài luôn. Việt Minh thường đi đường tắt trên rừng, vào các lán của dân để nghỉ. Dân có ngô, có gạo ăn nên nuôi cán bộ cũng không khó khăn gì. Cuối năm bốn sáu, từng đoàn Việt Minh có súng, mặc áo trấn thủ, đầu đội mũ bọc vải, chân đi dép cao su, lưng đeo ba lô, trên có quần một chiếc chần đơn, đi từ hướng Lục Yên châu qua Lũng Vài lên Lào Cai. Đi đến đâu, dân cũng ủng hộ lương thực. Nhà tôi cũng mang gạo ra ủng hộ. Việt Minh ngược Lào Cai được mấy ngày, thì bọn Quốc dân đảng lại tan tác chạy về các vùng hẻo lánh. Bố con thằng Chưởng lại dẫn quân chạy về Lũng Vài. Chúng làm một cái nhà ở ngay trên đỉnh dốc Cổng Trời. Bọn chúng ở đấy canh gác suốt ngày đêm, không có một người lạ mặt nào có thể vào được Lũng Vài.

Sang năm bốn bảy, bọn Pháp đã chiếm xong Tây Bắc. Bọn Quốc dân đảng ở Lũng Vài công khai treo cờ Pháp. Thằng Chưởng ở Lũng Vài chỉ huy quân, còn bố nó - ông Bàn Văn Quang và thổ ty Hoàng Văn Thừa ra Phố Ràng đón Pháp vào lập đồn ở Lũng Vài - gọi là đồn Cổng Trời.

Khi Bàn Văn Quang và Hoàng Văn Thừa đón Pháp về gần đến Cổng Trời, bị Việt Minh phục kích ở đấy. Hai bên bắn nhau phải đến gần một giờ đồng hồ. Bọn Pháp được Bàn Văn Quang dẫn đi đường tắt, lại gặp bọn thằng Chưởng từ Lũng Vài ra cứu, nên mới thoát.

Từ khi Pháp về Lũng Vài, dân càng sợ lại chạy hết lên rừng. Bọn thằng Chưởng cho quân đi lùng sục, bắt dân quay về bản. Chúng bảo với dân: “Thằng Pháp mới giỏi, có

nhiều tiền, có nhiều súng. Thành Việt Minh ăn thua gì, quần áo không có mặc, cả đoàn người có vài khẩu súng, lại không có đạn, Pháp đánh đến đâu là chạy sạch, chui lủi như con cuốc. Về nhà đi lính cho Pháp sướng hơn! Được tiền, được gạo, được ăn ngon ngủ yên, không phải chui lủi trong rừng...” Nghe bọn chúng nói vậy, phải đến một nửa dân Lũng Vài theo về và cho con đi làm lính đồng. Nhà tôi và một số nhà khác trốn vào tận rừng sâu, chúng không tìm thấy.

Ông Đặng Văn Nguyên và ông Mục Văn Quan là người Lũng Vài, được mời tham gia Việt Minh. Tôi biết chữ, nên được hai ông chọn làm thư ký. Tôi cắt rừng đi tìm Lục Văn Sinh và Hoàng Tiến Lục thăm dò, để các bạn cùng tham gia liên lạc cho Việt Minh. Nhưng đến lán thì được biết cả hai đã về bản và đi làm lính đồng cho Pháp rồi. Tôi sợ quá, chân tay bủn rủn. Nhất định chúng nó sẽ nói với thằng Chương là tôi đến rủ chúng đi phá đường tàu.

Đồn Cổng Trời là một cái đồn nhỏ, chỉ có một quan Pháp chỉ huy. Nhưng từ đây có thể ra Nghĩa Đô, Phố Ràng, lên Tà Chải và Phố Lu. Bọn thằng Chương thường cho lính đón lõng ở các đường đi tắt trên rừng, để bắt cán bộ. Con gái người Tày, người Mán ở Lũng Vài đã có người bỏ nhà, theo lính đồng ra ở đồn Phố Ràng, Nghĩa Đô. Một số còn đi lấy cả lính Pháp. Có thể vì lẽ ấy mà nhiều người Lũng Vài không sợ Pháp chằng?

Một hôm vào khoảng nửa đêm, cả nhà tôi đang ngủ trên lán bỗng thấy tiếng kẹt cửa, sau đó có hai người lách

vào. Mọi người sợ quá, nằm im như tắt thở. Lúc sau có tiếng nói nhỏ:

- Tôi là Nguyễn đây!

Rồi ông bật lửa, đốt đóm. Lúc ấy cả nhà tôi mọi người mới hoàn hồn, ngồi dậy. Trong ánh lửa, tôi nhận ra người đi cùng ông là anh Lê Hà. Mừng quá, nhưng nỗi sợ vẫn cứ ám ảnh trong tôi - sợ quân thẳng Chương ập đến thì chết hết. Tôi làm thư ký, nhưng thực ra chỉ làm một việc là giúp đọc giấy tờ thôi. Lúc sau, lửa bếp đã nhóm lên, anh Lê Hà đến gần tôi hỏi nhỏ:

- Lâu nay em vẫn khoẻ chứ?

- Dạ! Em vẫn khoẻ ạ!

Thấy tôi và Lê Hà như đã quen nhau thân thiết, bố nuôi tôi và ông Nguyễn đều ngỡ ngàng. Cả hai ông hết nhìn tôi lại nhìn Lê Hà. Lê Hà nhìn hai ông cười và giải thích:

- Năm ngoái đoàn chúng tôi qua đây, thì gặp em Tiên và Mây đi hái măng. Cũng là tình cờ, nhưng vì tình cảm chân tình quá, thành ra gặp một lần là không thể nào quên được...

Tôi cũng nói thêm:

- Bố ơi, anh này là Lê Hà - là ông Việt Minh năm ngoái chúng con gặp ở trên rừng đấy bố ạ.

Nghe tôi nói vậy, bố tôi nhìn Lê Hà đầy cảm phục. Biết tôi và Lê Hà đã là người quen, ông Nguyễn nói:

- Quý quá! Vậy là cái cán bộ Việt Minh này với cháu Tiên đã là người quen cũ rồi. Tôi vào đây là cũng có việc

cần nhờ đến ông. Ông cho cháu Tiên cùng tôi đưa cán bộ cắt rừng ra bờ sông.

Tôi nhìn Lê Hà, anh nhìn lại tôi gật đầu. Mặc dù rất sợ, nhưng tôi vẫn mong muốn Lê Hà ở lại ngủ với tôi một đêm như lời anh đã hứa. Đường như hiểu ý tôi, Lê Hà nói:

- Anh cũng mong có một đêm ngủ lại với em, nhưng đêm nay cấp trên có việc gấp. Anh cũng có ý định về thăm nhà, nhưng Hà Nội mình bây giờ bọn Pháp đã tạm thời chiếm được rồi. Bộ đội và Chính phủ đã rút về ATK - an toàn khu rồi. Bọn Pháp cũng đã nhảy dù, chiếm xong Tây Bắc. Bọn Quốc dân đảng cũng nổi dậy ở khắp nơi theo Pháp. Các anh phải đi vận động nhân dân tiêu thổ kháng chiến... Bây giờ anh em ta chuẩn bị đi ngay thôi.

Tôi đứng dậy lấy con dao nhọn đeo lên người, lấy lá chuối gói ba nắm cơm nung đưa cho mỗi người một gói mang theo.

Đêm. Trời không trăng. Tiếng côn trùng kêu rả rích. Tôi cầm dao đi trước, anh Lê Hà đi giữa, ông Nguyễn đi sau. Mỗi người cách nhau khoảng mười bước chân. Ba người lẫm lẫm bước trong đêm. Đi qua Cốc Túm là đến bờ sông. Đến bờ sông, tôi và ông Nguyễn sẽ quay lại. Dưới sông chắc chắn có người chờ đón Lê Hà. Gần đến bờ sông, thấy dưới sông có thuyền đánh cá, chúng tôi yên tâm lần theo bờ dốc đi xuống. Bỗng tôi thấy gai gai ở sau gáy, như có nước lạnh dội vào người. Chúng tôi đã đi gần hai giờ đồng hồ, chỗ nào cũng thấy tiếng côn trùng kêu. Nhưng đến đây, chúng im bật. Cả không gian như chìm xuống một

cái đáy không cùng. Linh tính báo cho tôi biết chắc chắn có điều gì. Một là: Có động vật to đang đi lại gần đây; hai là... Một tiếng quát: “Việt Minh! Đứng lại!”. Những tiếng nổ chát chúa từ hai sườn dốc. Tôi không theo lối mòn mà vọt xuống lòng khe, sang bên kia sườn đồi. Vùng này tôi thường đến đào củ mài, nên rất thuộc. Đằng sau tôi, tiếng súng vẫn nổ. Tôi nghe rõ tiếng chúng quát: “Đề cổ thằng này xuống! Đuổi theo mấy thằng kia”.

Vậy là chúng đã bắt được một người. Ông Nguyễn hay Lê Hà? Ông Nguyễn cũng như tôi, vùng này ông thuộc như lòng bàn tay. Người Mán luôn rùng giời như con cây, con cáo và lại đêm tối thế này, ông Nguyễn chắc sẽ chạy thoát được. Vậy người bị bắt chỉ có thể là Lê Hà. Lê Hà đi bộ cũng giỏi, nhưng đi rừng mà không thuộc đường, không định được phương hướng, còn khó hơn đi trong phố. Trong phố còn có người mà hỏi, trong rừng chỉ có cây và thú, biết hỏi thế nào? Biết là đã chạy thoát, tôi ngồi nghĩ lấy lại sức. Lưỡi tôi khô và đắng ngắt. Người ta bảo sợ quá thì vỡ mặt - có lẽ tôi bị vỡ mặt chăng? Tôi không còn biết mệt là gì, cứ luôn rùng đi. Đến lúc đang đông đã phớt lên một màu bàng bạc, tiếng gà rừng đã gáy mau hơn, những con cây, con cáo đi ăn đêm đã tìm về hang, tôi lần đến một bụi nứa, lấy con dao gõ vào thân cây để tìm nước uống. Tôi tìm cây nứa bánh tẻ để gõ. Người đi rừng có kinh nghiệm gõ vào cây nứa, cây nào phát ra tiếng đục và chìm là có nước. Tôi tìm được một cây, chặt ra lấy nước uống. Được một lúc, thấy người khoẻ lại, miệng không còn đắng nữa. Lúc này trời đã

mờ sáng, tôi nghĩ nếu ông Nguyễn chạy được, nhất định ông không về nhà, mà sẽ theo đường tắt về Cốc Lự. Nghĩ vậy, tôi luôn xuống khe suối, đến ngã ba chỗ hai khe nước gặp nhau trèo lên một cây to quan sát. Lúc sau, thấy bụi cây bên bờ suối rung rung, tôi nín thở quan sát. Một người chui ra từ bụi cây ấy. Người này nhìn trước, nhìn sau rồi ngồi khuất vào một tảng đá bên khe suối. Lúc sau, thấy người này tụt quần, cho xuống nước vò vò, rồi lại mặc vào người. Tôi vén lá, căng mắt ra nhìn. Nhận ra người ấy là ông Nguyễn, vội tụt xuống đi lại chỗ ông. Ông Nguyễn không biết là tôi, thấy động, ông nép vào khe đá. Tôi vội nói nhỏ để ông vừa đủ nghe:

- Bác Nguyễn!... Cháu đây!

Ông Nguyễn vội chạy lao lại ôm lấy tôi, ghen ngào:

- Lê Hà! Anh Lê Hà bị... bị bắt rồi.

Tôi cũng ôm chặt lấy ông, hai người như hai cây gỗ chôn chân xuống lòng suối. Nghĩ đến anh Hà, nghĩ đến người Hà Nội, nghĩ đến tình cảm chân thành của anh, tôi gục vào vai ông Nguyễn, cứ để cho hai dòng nước mắt tuôn ra. Lúc sau, ông Nguyễn trấn tĩnh lại bảo:

- Bây giờ về thôi. Tao sẽ cử người đến đồn Công Trời xem sao đã.

Tôi nhìn ông Nguyễn ngờ ngác:

- Sao lại về nhà ạ? Mình phải trốn xuống Cốc Lự thôi bác ạ! Thế nào thằng Chường cũng cho người đi lùng sục đấy.

- Không! Không làm thế được. Tao đoán mày nghĩ thế, nên phải ra đây chờ mày. Mình trốn đi, thằng Chuồng đến nhà, người nhà mình biết nói làm sao. Làm thế khác gì *lay ông tôi ở bụi này*. Nó nghĩ mình dẫn đường cho Việt Minh đấy.

Thấy ông nói phải, tôi lững thững theo ông về. Đi được một lúc, ông khịt khịt mũi quay lại bảo:

- Cháu mày giặt quần đi!

Tôi nhìn lại mình, người tôi bốc ra một mùi vừa khai, vừa thối. Đũng quần bê bết, cứng như mo cau. Lúc này tôi mới hiểu, vì sao lúc nãy ông Nguyễn phải giặt quần. Người ta bảo sợ vải cứng, vải dái ra quần, thật chẳng sai. Thấy ông Nguyễn nói vậy, tôi có vũng dạ thêm đôi chút. Nhưng nghĩ đến cảnh bọn thằng Chuồng cầm súng đến nhà, tôi lại bủn rủn cả chân tay. Tôi giặt áo ông Nguyễn nói:

- Thế nhờ chúng đến nhà thật, nó hỏi thì trả lời thế nào? Chỉ người bản mình mới biết con đường đi tắt này?

Ông Nguyễn đi chậm lại, trả lời nhát gừng:

- Ủ! Nó hỏi mình, chứ nó có bắt mình đâu? Nó hỏi, tức là nó cũng không biết. Nó không biết thì mình cũng không biết. Người Mán mình ít nói, bảo không biết. Thế thôi!

Nói rồi, ông dừng lại nhìn tôi. Lúc sau ông nói tiếp:

- Mà cháu mày trông phờ phạc lắm, có khác gì người ốm đâu. Về nhà thay quần áo, mặc màn, đắp chăn mà nằm. Nó hỏi, phải nói là mình ốm.

Thấy ông Nguyễn bình tĩnh, dạn dò có lý, tôi không còn sợ nữa. Lúc này tôi mới thấy đói, sờ ra sau lưng, lẫn túi khoác, lấy nắm cơm ăn. Không còn túi. Tôi thất sắc, giật áo ông Nguyễn:

- Chết! Chết rồi bác ơi!...

Ông Nguyễn giật mình quay lại, trợn mắt nhìn tôi:

- Hử?...

- Dạ! Cái túi khoác... Cái túi khoác của cháu... rơi... rơi mất rồi. Nó nhạt được thì chết!

Ông Nguyễn dậm chân xuống đất nói:

- Trời ơi! Chết làm sao được. Cái túi khoác của người Mán, cái nào chẳng giống cái nào. Mà y về lấy cái túi của vợ mà y, treo vào cạnh con dao của mà y. Cứ thế mà ngủ, sợ gì?

Tôi thấy vững dạ hơn, không nói gì nữa. Lúc đến chỗ rẽ, tôi chào ông Nguyễn, hai bác cháu mỗi người một hướng về lán nhà mình.

Về đến nhà, tôi nói với mọi người như lời ông Nguyễn dặn. Tôi kể lại câu chuyện cho mọi người nghe. Nhà tôi bây giờ chỉ còn có bốn người: Hai vợ chồng tôi và bố mẹ nuôi. Ba người con gái, tôi gọi bằng chị đã đi lấy chồng. Vợ tôi đang chữa tháng thứ tám, cũng không đi làm nương nữa. Tôi ăn quấy quá được một bát cơm, rồi lên giường nằm luôn.

Ông Nguyễn về đến nhà, mệt quá, ông cũng ốm luôn. Ông cho người nhà về bản nắm tình hình. Người nhà ông

kể lại rằng: Bọn lính đồng ở đồn Lũng Vài bắt Lê Hà trói vào gốc cây sặt. Chúng đánh anh chết đi, sống lại, trông thương tâm lắm... Trước sau Lê Hà chỉ khai là: Có ba người đi làm ăn, đã quen đường mòn, không có ai là người Lũng Vài dẫn đường. Bọn chúng đánh Lê Hà ngất đi, rồi lại đổ nước đá vào mặt cho tỉnh lại. Thấy Lê Hà không khai, thằng Chưởng lồng lên, nó huy động lính đồng trong đồn đi lên rừng bắt người Lũng Vài về nhận mặt Lê Hà.

Đến nhà tôi, phải vượt qua một lèn đá tai mèo lờm chờm. Hoàng Tiến Lục và Lục Văn Sinh vẫn đến lán nhà tôi chơi, biết chỗ ở, nên chúng dẫn thằng Chưởng đến. Tôi sợ quá, mặt tái nhợt nhạt, run cầm cập, nên bọn chúng tưởng là ốm thật.

Thằng Chưởng gườm gườm nhìn vợ tôi. Chắc thấy chữa, ngán quá, nó quay sang chỗ tôi, dùng mũi súng hất tung chĩa ra. Tôi nằm cuộn khoanh, run lấy bẫy. Nó bảo:

- Ốm hử?

Bố nuôi tôi chậm rãi nhìn thằng Chưởng nói:

- Nó ốm mà! Con ma rừng lại muốn bắt nó rồi!

Thằng Chưởng hất hàm:

- Còn theo Việt Minh đi phá đường tàu được nữa không?

Bố nuôi tôi bình tĩnh hỏi lại:

- Việt Minh nào? Nó cùng thằng Lục, thằng Sinh này đi lấy sắt về rèn dao, làm súng đấy thôi. Lũng Vài này ai chả biết?

Thằng Chường lại lấy nòng súng gậy vào tóc tôi, nói:

- Ôm! Ôm sao đầu tóc lại bê bết thế này? Tối qua mày đi dẫn đường cho Việt Minh phải không?

Bố nuôi tôi vẫn bình thản:

- Con ma vật nó chứ! Hết lạnh rồi lại nóng đấy. Con ma làm nó đau cái bụng, đau cái đầu. Nó ôm bụng, ôm đầu lăn lộn thì phải bắn chứ. Mày lăn xuống đất này xem có bắn không?

Thằng Chường vẫn gờm gờm, gậy mũi súng vào quần áo tôi, nói:

- Lăn xuống đất hử? Lăn xuống đất sao quần áo nó vẫn sạch?

Thằng Chường có vẻ đắc ý, nó ngửa cổ nhìn lên nóc nhà cười khùng khục. Bất thành linh nó dương súng, lên qui lát đánh soạch. Bố nuôi tôi mặt đỏ lên, ngáy người. Thằng Chường thọc mạnh mũi súng vào mạng sườn tôi, quát:

- Lôi nó đi!

Bố nuôi tôi khùng lên, sấn đến trước mặt thằng Chường, nói như quát vào mặt nó:

- Mày không bằng con chó à? Nó ỉa ra quần, ra áo thì phải thay chứ. Quần áo nó còn phơi kia, mày nghĩ xem có còn mùi cứt không?

Thằng Chường đuối lý, mặt nó bì bì. Nó đưa mắt nhìn khắp nhà, vẻ xoi mói. Lúc sau, nó mím môi bậm bậm rồi thở ra phì... phì, bảo:

- Được! Ốm thì thôi - nó hất hàm hỏi thằng Lục, thằng Sinh - nhưng thằng này biết tiếng Pháp phải không?

Thằng Sinh vội nói:

- Ừ ! Nó bảo, nó biết tiếng Pháp mà! Nó được người Pháp ở Hà Nội dạy nói mà!

- Được! Hôm nào có quan Pháp về Lũng Vài, mày phải đi làm thông ngôn.

Nói xong, chúng bỏ đi. Mẹ nuôi và vợ tôi vẫn nằm bẹp dúm vào xó nhà. Bố nuôi tôi vợ lấy cây đuốc. Ông hút liên tục, có lẽ nước đuốc sôi lên ông mới thôi.

Quãng mười giờ đêm, ông Nguyễn lại sang nhà tôi. Tôi vẫn còn sợ, nhưng cũng đã đứng dậy đi lại được. Ông Nguyễn nhìn bố nuôi tôi và tôi cười khà khà.

- Tôi đã bảo mày mà! Nó không biết, nó phải hỏi mình, đúng không? Người Mán mình không biết thì bảo là không biết. Thế thôi! Sáng mai mày khoẻ rồi, mày sang nhà tao chơi.

Nói rồi ông lại cười khà khà, hút liên mấy điếu thuốc, rồi lại nói tiếp:

- Bọn thằng Chương đến nhà tao, tao còn cho nó uống rượu đao! Đây, còn một ít - vừa nói, ông vừa móc ra chai rượu dẩu trong người - mỗi người uống một chén cho ấm bụng.

Ông rót cho bố nuôi tôi và tôi mỗi người một chén. Thấy ông nói cứng như vậy, tôi không còn sợ gì nữa. Khi mẹ nuôi và vợ tôi đi ngủ rồi, ông nhìn bố con tôi buồn rầu nói:

- Cái cán bộ... nó chết rồi! Thành Chương đi lùng sục về, không tìm được tung tích gì, tức quá đè cán bộ xuống, kể cổ vào rễ cây chặt đứt đầu rồi.

Tôi bủn rủn cả người, hai tay bưng mặt òa khóc. Từ bé đến giờ, tôi chưa khóc như thế bao giờ. Tôi muốn gọi tên anh, nhưng từ trong ngực, hơi đẩy lên nghẹn ứ. Bố nuôi tôi vỗ nhẹ vào lưng tôi bảo:

- Mà thương nó, cái bụng tao cũng thương nó mà! Nó bắt con vất cho mày, nó bảo dân mình trồng ngô, trồng lúa để chống đói là cái bụng nó cũng tốt à... Người tốt thì phải thương chứ!

Ông Nguyễn trầm ngâm nói tiếp:

- Chặt đầu xong, bố con thành Chương bỏ đầu cán bộ vào bao, buộc lên lưng ngựa, đi Phố Lu ngay. Chắc đi nộp đầu cán bộ cho quan Pháp để lĩnh thưởng. Tôi thấy trong người đã nguôi nguôi, nhìn ông Nguyễn hỏi:

- Thế xác của anh Hà đâu ạ?

- Nó vất xuống khe. Đêm nay sẽ có người của ta lấy đi chôn cẩn thận. Không sợ mất xác đâu!

Bố con tôi và ông Nguyễn cùng lặng đi. Chắc mỗi người đều dành những khoảnh lặng trong tâm hồn mình cho Lê Hà. Đêm cũng đã khuya, bố tôi nhìn ông Nguyễn hỏi:

- Thế cái cán bộ Hà nó bảo đi vận động tiêu thổ kháng chiến là đi làm gì?

Ông Nguyễn chậm rãi nói:

- Tiêu thổ kháng chiến là phải mang hết các thứ của cải của mình lên rừng trốn, thằng giặc nó đến sẽ không có gì mà cướp, sẽ không có gì mà sống... cũng như năm ngoái nó đi vận động dân phá đường tàu ấy.

- Thế nó chết rồi thì ai đi làm thay nó? - Bố tôi lại hỏi.

Ông Nguyễn với cây điếu hút, rồi thư thả trả lời:

- Có người của ta đi thay nó rồi.

Những tháng cuối năm, người Mán không còn việc làm trên nương nữa. Phụ nữ dệt vải, đàn ông sửa nhà, sửa chuồng gà, chuồng lợn, rèn dao, cuốc chuẩn bị cho vụ tới. Thỉnh thoảng nghe tiếng con nai, con hoẵng kêu ở trên rừng, đàn ông rủ nhau đi săn. Mỗi nhà mang đi vài ba con chó, tạo thành một đàn, lùa đi trước đuổi con thú. Có vài người đi chỉ huy đàn chó, còn lại chia nhau đón lõng những nơi dự kiến con thú sẽ chạy qua để bắn. Thú rừng nhiều lắm, ngày nào cũng săn được. Nhà nào cũng có vài ba cặp sừng nai treo trên vách. Chân gà rừng, đuôi chồn, đuôi sóc buộc thành xâu treo cạnh bếp. Một hôm có con hổ về tận nhà ông Lý Phúc Đoàn vồ ngựa. Nó kéo vào tận khe đá trong rừng sâu. Sáng sớm hôm sau, cả bản lùa chó, mang súng đi đuổi. Vào rừng, thấy con ngựa đã bị ăn hết bộ lông, thân vẫn còn nguyên.

Mấy ông già bàn nhau: Con hổ nhất định chưa đi xa. Phải gài súng để giết nó.

Các ông nhồi thuốc và đạn ghém vào súng. Lừa thế con hổ đến ăn môi, rồi gài bốn khẩu súng ở bốn hướng chia về phía xác con ngựa.

Hai ngày sau, quăng nửa đêm, nghe tiếng súng nổ trong rừng. Bố nuôi tôi bảo: “Chắc con hổ về ăn mồi, nó mắc phải bẫy súng rồi”.

Sáng sớm tinh mơ, cả bản lùa chó đi đuổi. Đến nơi đã thấy con hổ nằm chết gục trên xác con ngựa. Bố nuôi tôi cầm nắm đóm, đốt cháy ngay bộ râu con hổ. Người Mán truyền cho nhau rằng: Râu hổ độc lắm, cây măng đang lên khoẻ, chỉ cần lấy râu hổ cắm vào là chết thối ngay! Thù nhau, lấy râu hổ lén bỏ vào nồi cơm, ăn phải cơm ấy cũng chết! Vì vậy khi săn được hổ, phải đốt râu nó đi ngay.

Mọi người giúp nhau lấy dây buộc, khênh con hổ về nhà ông Đoàn. Con hổ nặng chừng tạ rưỡi, phải bốn người khoẻ mới khênh nổi. Gần trưa mới khênh về tới nhà. Mọi người bàn: Bộ da phải lột, giữ cho tốt để lên Tà Chải bán; bộ ruột băm thưởng cho chó - chó thường rất sợ mùi hổ, nhưng nếu cho nó ăn được một ít, lần sau nó không sợ hổ nữa; thịt chia đều cho những người đi săn; bộ xương để lại cho nhà ông Đoàn nấu cao. Bố nuôi tôi xin cái lưỡi để chữa bệnh cho tôi.

Từ cái đàn bị ốm ngã nước đến nay, tất cả những loại thịt của những con bốn chân tự dưng tôi không ăn được nữa. Ăn vào một chút là buồn nôn ngay, mửa ra mật xanh, mật vàng, bao giờ hết hơi thứ đó mới thôi. Người Mán thường lấy lưỡi hổ cho những người có bệnh này ăn. Được ăn lưỡi hổ rồi, thì thịt con bốn chân gì cũng ăn được.

Thấy bố nuôi tôi nói tôi có bệnh này muốn xin cái lưỡi, mọi người đồng ý ngay. Bố nuôi tôi ngáng mồm con

hổ, lấy mũi dao nhọn chọc thủng lưới nó, rồi móc kéo ra ngoài để cắt. Tôi bỏ lưới hổ vào lá dong gói lại, cất đi.

Một số người thành thạo trong việc mổ súc vật, xắn tay áo vào làm. Dân bản kéo đến xem, đông như xem hội. Bỗng từ đằng xa có tiếng ngựa hí, lại nghe thấy có tiếng súng. Dân bản sợ quá, chạy dạt lên rừng. Một số người đứng tuổi vẫn ở lại. Lúc sau, thằng Chưởng dẫn quân đến. Bốn chúng thằng nào cũng lăm lăm khẩu súng trong tay. Những người ở lại cầm dao ngơ ngác. Thằng Chưởng quát:

- Ai cho các người săn hổ ở khu rừng này?

Ông Lý Phúc Đoàn nói:

- Nó bắt ngựa nhà tao, tao phải bắt nó chứ.

- Nhưng rừng này là rừng của thổ ty Hoàng Văn Thừa cai quản - thằng Chưởng hung hăng nói - thổ ty lại giao cho nhà tôi canh giữ. Mọi đất đai, cây cối, chim thú ở đây tôi phải giữ. Các người có rất nhiều tội lớn: Trốn vào đây phát trộm cây, lấy đất làm nương, đã hai năm nay không nộp thuế; chặt bao nhiêu cây rừng làm nhà; săn bao nhiêu thú; lại còn nuôi Việt Minh trong nhà; lại còn dẫn đường cho Việt Minh ... Các tội ấy các người có biết không? Con hổ này phải kê về nộp cho thổ ty. Ai trái lệnh là theo Việt Minh, bắt nộp cho quan Pháp xử.

Nói rồi, thằng Chưởng bắt ông Đoàn và ba người nữa vắt con hổ lên xe quệt, cho trâu kéo đi. Nhưng khi dắt trâu đến gần, người thấy mùi hổ, sợ quá nó dứt thừng chạy mất. Bốn người đành phải khênh con hổ về nộp cho thổ ty.

Tôi và bố nuôi tôi thấy vậy, sợ quá luôn rùng về luôn. Về nhà, mẹ nuôi tôi lấy lưới hổ luộc lên, cho tôi ăn ngay. Thật là kỳ diệu - từ ngày ấy tôi ăn thịt những con bốn chân, không còn bị làm sao nữa.

Sau này tôi được biết, bộ da hổ ấy Thành Chương mang nộp cho quan Pháp, còn bộ xương thì thổ ty và bố con thằng Chương đem nấu cao. Những người đi săn hận lắm, nhất định có ngày họ sẽ trả thù.

Cuối năm bốn bảy, vợ tôi đẻ đứa con đầu lòng. Cứ như ở dưới xuôi, phụ nữ đến ngày sinh đẻ cả nhà đều lo lắng. Nhưng ở với người Mán, tôi thấy lại là chuyện bình thường. Hôm đau đẻ, vợ tôi chuẩn bị các thứ, rồi một mình ngồi ở trong buồng tự lo các việc. Vợ tôi ngồi tựa vào đồng chăn, không được nằm. Tôi và mọi người không ai được vào. Việc đỡ đẻ, phụ nữ người Mán tự dạy nhau. Vợ tôi đau quá, tay cào cào vào vách nứa, làm cho phen vách rung lên như bão giạt. Mẹ nuôi tôi đứng gần cửa buồng, thỉnh thoảng có hỏi vài câu. Bố nuôi tôi vẫn ngồi hút thuốc lào ở bếp. Tôi cũng ngồi cạnh bếp, thỉnh thoảng lại cho thêm củi, ruột cồn cào. Hai bố con chuyện nhau cây diều. Một lúc, đã hút hết gần nửa gói thuốc lào. Thuốc lào hiếm lắm, người Mán phải lấy cây nứa khô, cạo vào cật tạo lên thành sợi nhỏ, trộn với thuốc lào hút. Bố nuôi tôi thấy vợ tôi kêu, giãy dụa chắc ông cũng lo. Ông cạo con dao vào ống nứa kêu kin kít, thổi nứa rơi xuống đất thành một nắm to. Lúc sau thấy vợ tôi không kêu nữa, thỉnh thoảng chỉ nghe thấy tiếng ự ự kéo dài. Tôi thấy ào một tiếng như đổ chậu nước,

máu tươi chảy xuống gậm sàn. Tiếng khóc của trẻ sơ sinh ré lên như xé vải. Mẹ nuôi tôi nhìn bố nuôi tôi và tôi gạt đầu ra hiệu - xong rồi.

Mẹ nuôi tôi vào giúp vợ tôi thu dọn. Bà nói vọng ra ngoài: “Con trai!”. Tôi thấy trong người lâng lâng, một cảm giác thực là khó tả - tôi mười bảy tuổi - tôi có con - tôi là bố trẻ con rồi ư? Vợ tôi lấy áo gói nhau thai lại. Mẹ nuôi tôi mang xuống gậm sàn, phía dưới chỗ vợ tôi nằm đẻ, để chôn.

Vợ tôi đẻ được ba ngày, mẹ nuôi tôi làm thủ tục truyền nghề cho con tôi. Bà bế cháu đi trước, bố nuôi tôi và tôi cùng một số người đàn ông trong họ xếp hàng đi sau. Mỗi người cầm một thứ như: Súng kíp, nỏ, sách và cần câu... đi theo. Quan niệm của người Mán cho rằng: Không làm như vậy, sau này con tôi lớn lên, nó không thể nào trở thành một người đàn ông thực thụ được- không theo được nghề của bố mẹ; lười biếng; không chịu học hành. Đoàn người đưa con tôi đi cách nhà khoảng ba bốn mươi bước chân, rồi lại đưa quay về buồng.

Sang năm bốn tám, bọn thằng Chương ở Lũng Vài, được quân Pháp về tận nơi giúp đỡ, nó được làm cai của lính đồng. Ở Tà Chải, Phố Ràng, Phố Lu, Nghĩa Đô ra đến Bảo Hà và sang tận Hà Giang, đâu đâu cũng có đồn Pháp. Người Lũng Vài đi lính cho Pháp cũng nhiều. Các ngã đường đi lại đều có trạm gác của bọn chúng. Tuy vậy, vẫn không ngăn cản được Việt Minh đi lại. Bọn thằng Chương thỉnh thoảng lại bắt được Việt Minh. Bắt được là chúng

giết luôn, cắt tai, cắt đầu mang nộp cho quan trên đổi muối. Cứ hai tai đổi được năm mươi cân muối. Ở Lũng Vài, bố con thằng Chường độc quyền về bán muối. Mỗi cân muối nó lấy năm cân gà hoặc phải trả bằng một đồng bạc trắng. Bố con nó trước đây đã giàu, nay lại càng giàu hơn.

Ông Đặng Văn Nguyên và ông Mục Văn Quan đã về Lục Yên châu theo Việt Minh. Năm bốn bảy, hai ông tuyên truyền chính sách của Việt Minh ở Lũng Vài, nay một số người chạy theo Pháp tố cáo, nên hai ông được đưa đi.

Tôi bị bán lên Lũng Vài đã gần sáu năm. Tôi thật sự đã trở thành người Mán rồi, nhưng Hà Nội trong tôi vẫn luôn canh cánh bên lòng. Nghĩ đến bố mẹ, đến người thân và nghĩ đến Lê Hà, nước mắt tôi giàn giụa. Tôi ra ngoài, hít không khí, ngắm sao trời cho thoải mái. Quanh tôi chỉ có tiếng lá rừng xào xạc, nhìn trước, nhìn sau đều là vách núi. Tôi phóng tầm mắt lên bầu trời. Trời trong, chỉ chút những vì sao, mây chạy lang thang theo gió. Ước gì mình trở thành ngọn gió, vờn lên những thảm lá rừng. Ước gì mình trở thành mây, bay bay trên những sườn đồi, bay dọc theo sông Hồng để trở về nơi chôn nhau cắt rốn...

Đang thả cho tâm hồn gặp những ước mơ, bỗng tôi nghe thấy tiếng gõ cạch, cạch ở ngoài vườn. Thấy người rờn rợn, tôi lùi dần vào nhà, đóng chặt cửa ngói hút thuốc, bên cạnh để sẵn một con dao. Lúc sau, có tiếng kẹt cửa, một người lách vào nhà, tôi giật mình cầm vội lấy con dao. Người ấy bình tĩnh nói:

- Tiên à! Bác Nguyễn đây!

Tôi trấn tĩnh lại. Ông Nguyễn đến bếp ngồi hút thuốc. Thấy vậy, bố nuôi tôi cũng dậy, ra bếp ngồi cạnh ông Nguyễn. Bố nuôi tôi vốn ít nói, mỗi khi chờ đợi, hoặc quyết định điều gì, ông thường ôm cây đuốc hút liên tục, bao giờ nghĩ ra việc mới thôi. Ông vừa hút thuốc, vừa nhìn ông Nguyễn chờ đợi. Ông Nguyễn nhìn bố nuôi tôi và tôi nói nhỏ:

- Việt Minh bây giờ lớn mạnh lắm! Bộ đội Cụ Hồ người nào cũng có súng, có quần áo giống nhau, có giầy dép, có chăn màn. Nhiều người lắm, không đếm hết được đâu! Có khẩu súng trông to như bắp dùi, đạn nó trông như bắp bi chuối rừng ấy! Có khẩu súng có hai chân, băng đạn của nó trông tròn như cái mẹt! Người nào cũng có lựu đạn đeo ở bên hông, trông oai lắm. Một quả lựu đạn nổ, bao nhiêu người ngồi trong cái nhà như thế này sẽ bị chết hết! Mình được một quả, bỏ vào đôn Lũng Vài mà ném, thì bọn thằng Chương chết không kịp ngáp!

Bố nuôi tôi nhìn ông Nguyễn hỏi:

- Thế ông có được phát quả lựu đạn nào không?

Ông Nguyễn nhìn bố nuôi tôi vừa cười, vừa nói:

- Không được! Nhưng được tập, được sờ vào nó rồi. Có những ba loại lựu đạn kia: Lựu đạn chày - nó như cái chày giã ớt ấy; lựu đạn muối - trông như quả dưa nướng loại to, xung quanh có khía, khi nổ nó vỡ ra hàng trăm mảnh như đàn muối, mảnh ấy găm vào người còn mạnh hơn đạn

ghém; lựu đạn mỏ vịt- to bằng quả cam, có mỏ như mỏ con vịt, mỏ nó bật lên là nổ ngay.

Tôi mừng quá hỏi xen vào:

- Thế tại sao bác lại không được phát lựu đạn?
- Tao là cán bộ địch vận, không phải là bộ đội.

Bố nuôi tôi lại hỏi:

- Địch vận là cái gì?

Ông Nguyễn bình tĩnh lấy điều thuốc Lào hút. Ông ngửa cổ thả khói, tay với chén nước uống, trông thư thái lắm. Ông đi mới được gần một năm, bây giờ đã chững chạc, có nét gì đấy giống với các anh cán bộ Lê Hà, Cao Hùng, Cao Huấn tôi đã gặp. Tôi nghĩ: Chắc ông Nguyễn và ông Quan bây giờ đã thành Việt Minh rồi. Lúc sau ông Nguyễn nói:

- Địch vận là... là như Lũng Vài mình này này: Có người đi lính đồng, phải bảo nó quay về, không được bắn giết dân mình; tuyên truyền chính sách của Việt Minh cho nó biết; không được để bọn Pháp, bọn thằng Chương làm mờ mắt họ; phải làm cho cả dân mình trong vùng địch chiếm đóng, hiểu được chính sách của Việt Minh, hăng hái tâng gia sản xuất, ủng hộ Việt Minh, đi bộ đội đánh đuổi quân Pháp...

Tôi và bố nuôi tôi ngây người. Mới năm ngoái, ông Nguyễn cũng như bố nuôi tôi, suốt ngày lăm lũi lên rừng kiếm ăn, như con dúi, con chồn. Vậy mà bây giờ, ánh sáng và hơi ấm từ người ông tỏa ra như ngọn đuốc! Việt Minh